

CỤC THỐNG KÊ
THỐNG KÊ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
THÁNG TÁM VÀ 8 THÁNG NĂM 2026

Đà Nẵng, tháng 8 năm 2026



CỤC THỐNG KÊ
THỐNG KÊ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

BÁO CÁO TÌNH HÌNH

KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG



THÁNG 8 VÀ 8 THÁNG NĂM 2026



0236.3827680



thongke.danang.gov.vn



tonghopdna@nso.gov.vn

MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ CHỦ YẾU

8 THÁNG NĂM 2026

(so với cùng kỳ năm 2025, %)

01

CHỈ SỐ SẢN XUẤT
CÔNG NGHIỆP

↑ 9,7 %



02

TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA
VÀ DOANH THU DỊCH VỤ
TIÊU DÙNG

↑ 23,9 %



03

DOANH THU DỊCH VỤ VẬN TẢI,
KHO BÃI, BƯU CHÍNH
VÀ CHUYỂN PHÁT

↑ 23,6 %



04

TỔNG SỐ LƯỢT KHÁCH
LƯU TRÚ VÀ LỮ HÀNH

↑ 23,8 %



05

VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN
TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
ĐO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ



↑ 0,6 %

06

KIM NGẠCH
XUẤT KHẨU HÀNG HÓA

↑ 12,6 %



07

KIM NGẠCH
NHẬP KHẨU HÀNG HÓA

↑ 10,3 %



08

THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN

↑ 77,6 %



09

CHỈ SỐ GIÁ
TIÊU DÙNG

↑ 4,8 %



NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

8 THÁNG NĂM 2026

01 TRỒNG TRỌT

Diện tích gieo trồng cây hàng năm (tính đến ngày 20/8/2026)

So với cùng kỳ năm trước, %

LÚA



87,3
Nghìn ha **↓ 0,3 %**

NGÔ



11,9
Nghìn ha **↑ 0,9 %**

KHOAI LANG



1,7
Nghìn ha **↓ 1,2 %**

LẠC



9,6
Nghìn ha **↑ 0,02 %**

RAU CÁC LOẠI



13,6
Nghìn ha **↑ 0,4 %**

02 CHĂN NUÔI

Tính tại thời điểm 01/8/2026 (so với cùng thời điểm năm trước, %)

TRÂU



43,0
Nghìn con **↓ 0,4 %**

BÒ



187,3
Nghìn con **↑ 1,2 %**

LỢN



372,1
Nghìn con **↑ 6,1 %**

GIA CẦM



7.472
Nghìn con **↑ 1,6 %**

03 LÂM NGHIỆP

8 tháng năm 2026
(so với cùng kỳ năm trước, %)



DIỆN TÍCH
RỪNG TRỒNG MỚI
TẬP TRUNG **8.853** Ha
↑ 9,1 %



SẢN LƯỢNG
GỖ KHAI THÁC **1.593** Nghìn m³
↑ 11,7 %



SẢN LƯỢNG
CỦI KHAI THÁC **376** Nghìn ste
↑ 1,2 %

04 THỦY SẢN

8 tháng năm 2026
(so với cùng kỳ năm trước, %)



TỔNG SẢN LƯỢNG
THỦY SẢN **129,3** Nghìn tấn
↑ 0,6 %

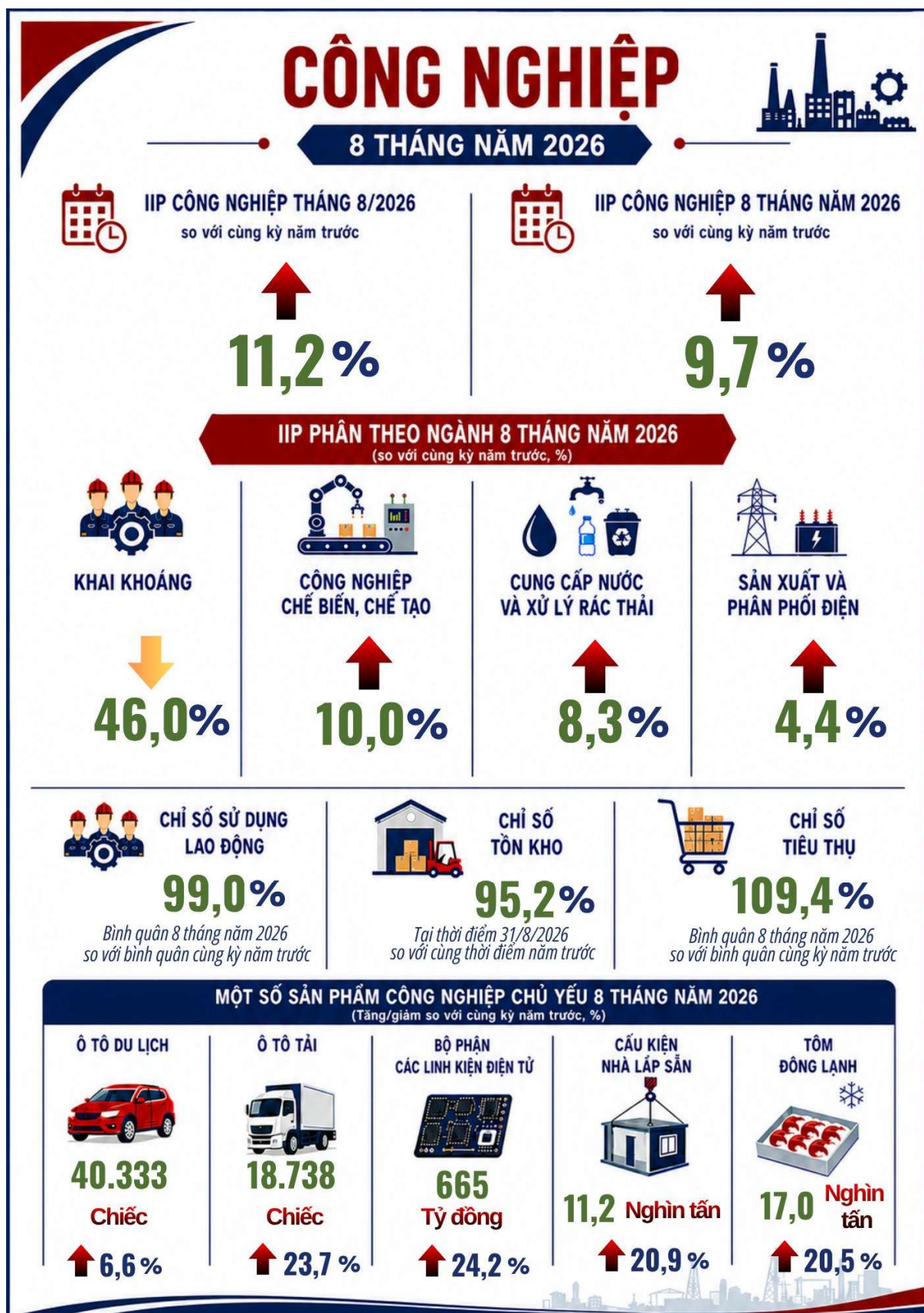


KHAI THÁC
THỦY SẢN **105,3** Nghìn tấn
↑ 0,5 %



NUÔI TRỒNG
THỦY SẢN **24,0** Nghìn tấn
↑ 1,2 %





ĐẦU TƯ VÀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

8 THÁNG NĂM 2026

01

VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ
8 THÁNG NĂM 2026



9.244
TỶ ĐỒNG

Tăng 0,6%
so với cùng kỳ năm trước



NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
CẤP TỈNH

6.816

TỶ ĐỒNG

↓ 24,2 %



NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
CẤP XÃ

2.428 TỶ ĐỒNG

Gấp 12,9 lần so với cùng kỳ năm trước

02

THU HÚT ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI
(TÍNH ĐẾN NGÀY 20/8/2026)



CẤP MỚI

100 Dự án

↑ 29,9 %

so với cùng kỳ năm trước



TỔNG VỐN ĐĂNG KÝ

522 Triệu USD

↑ 258,2%

so với cùng kỳ năm trước

03

ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP (TÍNH ĐẾN NGÀY 20/8/2026) so với cùng kỳ năm trước _ %



THÀNH LẬP MỚI

4.352 Doanh nghiệp

↑ 11,0 %



TẠM NGỪNG
HOẠT ĐỘNG

5.270 Doanh nghiệp

↑ 5,8 %



QUAY TRỞ LẠI
HOẠT ĐỘNG

1.574 Doanh nghiệp

↑ 4,2 %



GIẢI THỂ

1.646 Doanh nghiệp

↑ 164,6 %



TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG

8 THÁNG NĂM 2026

THÁNG 8/2026



TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA
VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG

29.446 **↑32,1%**
TỶ ĐỒNG So với cùng kỳ năm trước

8 THÁNG NĂM 2026



TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA
VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG

207.827 **↑23,9%**
TỶ ĐỒNG So với cùng kỳ năm trước

TRONG ĐÓ: 8 THÁNG NĂM 2026

01



BÁN LẺ HÀNG HÓA

112.312 TỶ ĐỒNG
↑ 23,2 %

02



DỊCH VỤ LƯU TRÚ
VÀ ĂN UỐNG

46.932 TỶ ĐỒNG
↑ 25,1 %

03



DU LỊCH LỮ HÀNH
(sau khi trừ chi hộ)

3.611 TỶ ĐỒNG
↑ 15,9 %

04



DỊCH VỤ KHÁC

44.972 TỶ ĐỒNG
↑ 25,1 %

CÁC SỰ KIỆN TIÊU BIỂU TỔ CHỨC TRONG THÁNG 8 TẠI ĐÀ NẴNG



LỄ HỘI
SÂM NGỌC LINH
VÀ DƯỢC LIỆU
QUỐC TẾ ĐÀ NẴNG

01 – 03/8/2026



Quảng bá thương hiệu Sâm Ngọc Linh
và dược liệu đặc trưng, kết nối giao
thương, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm
và phát triển ngành dược liệu.



LỄ HỘI
VIỆT NAM – HÀN QUỐC
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
NĂM 2026

06 – 09/8/2026



Giao lưu văn hóa, quảng bá sản phẩm,
ẩm thực và du lịch Việt Nam – Hàn Quốc,
thúc đẩy hợp tác thương mại và
dịch vụ.



HỘI CHỢ QUỐC TẾ
THƯƠNG MẠI, DU LỊCH
VÀ ĐẦU TƯ HÀNH LANG
KINH TẾ ĐÔNG – TÂY
ĐÀ NẴNG 2026 (EWEC)

12 – 17/8/2026



Kết nối doanh nghiệp, quảng bá sản phẩm,
thu hút đầu tư và mở rộng thị trường
trong nước và quốc tế.



HORECFEX
VIETNAM 2026

20 – 21/8/2026



Triển lãm và diễn đàn quốc tế về khách sạn,
nhà hàng, du lịch, công nghệ, thiết bị,
nguyên liệu và dịch vụ F&B.

DU LỊCH

8 THÁNG NĂM 2026



TỔNG SỐ LƯỢT KHÁCH LƯU TRÚ
VÀ KHÁCH DU LỊCH THEO TOUR

15.399

Nghìn lượt khách

↑23,8% So với cùng kỳ năm trước

TRONG ĐÓ

TỔNG SỐ LƯỢT KHÁCH
DO CƠ SỞ LƯU TRÚ
PHỤC VỤ

KHÁCH
QUỐC TẾ



6.884

Nghìn
lượt khách

↑26,3%

KHÁCH
TRONG NƯỚC



7.363

Nghìn
lượt khách

↑23,7%

TỔNG SỐ KHÁCH DU LỊCH
DO CƠ SỞ LỮ HÀNH
PHỤC VỤ

KHÁCH
QUỐC TẾ



426

Nghìn
lượt khách

↑11,4%

KHÁCH
TRONG NƯỚC



633

Nghìn
lượt khách

↑9,2%

KHÁCH VIỆT NAM
ĐI DU LỊCH
NƯỚC NGOÀI



93

Nghìn
lượt khách

↑37,2%

★ ĐÀ NẴNG – ĐIỂM ĐẾN HẤP DẪN

Thành phố Đà Nẵng tiếp tục phát huy lợi thế điểm đến an toàn, thân thiện, giàu bản sắc văn hóa và cảnh quan đặc sắc, với nhiều sự kiện, lễ hội đặc sắc được tổ chức trong tháng 8, góp phần thu hút đông đảo du khách trong nước và quốc tế.



SỰ KIỆN DU LỊCH NỔI BẬT TRONG THÁNG 8

01

06 – 09/8/2026

LỄ HỘI
VIỆT NAM – HÀN QUỐC
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG 2026



Giao lưu văn hóa, nghệ thuật, ẩm thực và trải nghiệm các hoạt động đặc sắc về Việt Nam – Hàn Quốc.

02

08 – 09/8/2026

LỄ HỘI
LÀNG BIỂN TÂN THÀNH 2026



Chợ phiên, ẩm thực biển, nghệ thuật đường phố, trải nghiệm thuyền buồm và du lịch cộng đồng.

03

21 – 23/8/2026

NGÀY HỘI
DU LỊCH ĐẠI BÌNH 2026



Phiên chợ quê, ẩm thực, OCOP, bài chòi và trải nghiệm làng quê ven sông – Điểm đến Xanh.

04

KÝ ỨC HỘI AN
“NÓN CỘ”



Show diễn thực cảnh đặc sắc tái hiện văn hóa – lịch sử Hội An, đưa du khách về miền ký ức.

VẬN TẢI, BƯU CHÍNH VÀ CHUYỂN PHÁT

8 THÁNG NĂM 2026



DOANH THU VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ, ĐƯỜNG THỦY,
KHO BÃI VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ VẬN TẢI,
BƯU CHÍNH CHUYỂN PHÁT

29.215
TỶ ĐỒNG

Tăng 23,6%
so với cùng kỳ năm trước



DOANH THU
VẬN TẢI
HÀNH KHÁCH

4.480 TỶ ĐỒNG
↑ 23,8%



DOANH THU
VẬN TẢI
HÀNG HÓA

10.280 TỶ ĐỒNG
↑ 31,4%



DOANH THU
DỊCH VỤ HỖ TRỢ
VẬN TẢI

13.386 TỶ ĐỒNG
↑ 17,4%



DOANH THU
DỊCH VỤ BƯU CHÍNH
VÀ CHUYỂN PHÁT

1.069 TỶ ĐỒNG
↑ 34,7%

CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT TRONG THÁNG 8/2026



13/8/2026

DIỄN ĐÀN LOGISTICS
QUỐC TẾ ĐÀ NẴNG 2026



19/8/2026

KHÔI PHỤC ĐƯỜNG BAY
ĐÀ NẴNG – ĐÀ LẠT



THÁNG 8/2026

ĐẨY MẠNH KẾT NỐI LOGISTICS,
CẢNG LIÊN CHIỀU VÀ
VẬN TẢI LIÊN VÙNG



THÁNG 8/2026

TĂNG CƯỜNG KẾT NỐI
CHUỖI CUNG ỨNG VÀ
VẬN TẢI XUYÊN BIÊN GIỚI



XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA

8 THÁNG NĂM 2026



XUẤT KHẨU

3.429

Triệu USD

↑ **12,6** %

So với cùng kỳ năm trước



NHẬP KHẨU

3.211

Triệu USD

↑ **10,3** %

So với cùng kỳ năm trước



XUẤT SIÊU

217,8

Triệu USD



NHẬN ĐỊNH

Trong tháng 8/2026, thành phố đẩy mạnh xúc tiến thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp quảng bá sản phẩm, kết nối giao thương và mở rộng thị trường. Hoạt động xuất, nhập khẩu tiếp tục tăng, trong đó xuất khẩu tăng cao hơn nhập khẩu và cán cân thương mại duy trì xuất siêu.





TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG

8 THÁNG NĂM 2026



THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(tính đến ngày 25/8/2026)

63.816
TỶ ĐỒNG

Tăng 77,6%
so với cùng kỳ năm trước



CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(tính đến ngày 25/8/2026)

52.597
TỶ ĐỒNG

Tăng 6,4%
so với cùng kỳ năm trước

TRONG ĐÓ



THU NỘI ĐỊA

59.744
TỶ ĐỒNG

↑ 90,1%



THU CÂN ĐỐI XUẤT NHẬP KHẨU

3.012
TỶ ĐỒNG

↑ 15,5%



CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

20.455
TỶ ĐỒNG

↑ 44,2%



CHI THƯỜNG XUYÊN

32.008
TỶ ĐỒNG

↓ 9,1 %



HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG (TÍNH TẠI THỜI ĐIỂM 31/8/2026)



TỔNG HUY ĐỘNG

411.606
TỶ ĐỒNG

↑ 6,9 %

So với 31/12/2025



TỔNG DƯ NỢ

464.791
TỶ ĐỒNG

↑ 3,4 %

So với 31/12/2025



CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG (CPI)

8 THÁNG NĂM 2026



CPI THÁNG 8/2026
so với tháng 7/2026

100,67%



CPI THÁNG 8/2026
so với tháng 8/2025

105,40%



CPI BÌNH QUÂN
8 THÁNG NĂM 2026
so với cùng kỳ năm trước

104,84%

CHỈ SỐ GIÁ VÀNG
BÌNH QUÂN 8 THÁNG NĂM 2026
so với cùng kỳ năm trước



149,19%

CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ
BÌNH QUÂN 8 THÁNG NĂM 2026
so với cùng kỳ năm trước



101,45%





VIỆC LÀM VÀ AN SINH XÃ HỘI

★ THÁNG 8 NĂM 2026 ★

ĐẢM BẢO AN SINH XÃ HỘI

Chính sách ưu đãi người có công được triển khai kịp thời, đúng quy định. Trong tháng, thành phố tiếp nhận và giải quyết 1.211 hồ sơ; điều chỉnh phụ cấp khu vực cho 264 trường hợp và hỗ trợ phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình cho 18 trường hợp. Trung tâm Phụng dưỡng người có công cách mạng đang nuôi dưỡng thường xuyên 86 người. Đồng thời, tổ chức 03 đợt điều dưỡng tập trung, phục vụ 327 lượt người có công và thân nhân.

GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

Tháng 8/2026, thành phố tổ chức 28 phiên giao dịch việc làm, thu hút 102 doanh nghiệp tham gia tuyển dụng. Qua đó, giới thiệu việc làm cho 1.220 người, trong đó 241 người tìm được việc làm. Thành phố giải quyết trợ cấp thất nghiệp cho 4.149 trường hợp, với tổng kinh phí 99,9 tỷ đồng. Trong tháng, có 99 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Đồng thời, cấp 267 giấy phép lao động và 09 giấy xác nhận miễn cấp phép cho lao động nước ngoài.

GIÁO DỤC, VĂN HÓA VÀ THỂ THAO

★ THÁNG 8 NĂM 2026 ★



GIÁO DỤC

Ngành Giáo dục và Đào tạo tổng kết năm học 2025-2026, đồng thời chuẩn bị các điều kiện và triển khai nhiệm vụ trọng tâm năm học 2026-2027. Thành phố bố trí kinh phí cung cấp sách giáo khoa dùng chung, bổ sung giáo viên và chuẩn bị đưa 06 trường phổ thông nội trú liên cấp tại các xã biên giới vào hoạt động.



14/8/2026

CUỘC THI SÁNG TẠO ROBOT DÀNH CHO HỌC SINH THPT TP. ĐÀ NẴNG (MỞ RỘNG) NĂM 2026

Chủ đề: "Giao thương toàn cầu – Kết nối tri thức"

Khai mạc ngày 14/8/2026 với sự tham gia của 30 đội thi.



LỄ KÝ KẾT HỢP TÁC

SỞ GD&ĐT ĐÀ NẴNG & GOOGLE FOR EDUCATION



ĐÀ NẴNG

Google for Education

21/8/2026

LỄ KÝ KẾT HỢP TÁC SỞ GD&ĐT ĐÀ NẴNG VỚI GOOGLE FOR EDUCATION

Tăng cường ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong giáo dục, nâng cao chất lượng dạy và học cho học sinh.



06-08/8/2026

NGÀY HỘI VĂN HÓA CƠ TU XÃ TÂY GIANG LẦN THỨ I - 2026

Tôn vinh, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào Cơ Tu; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.



06-09/8/2026

LỄ HỘI VIỆT NAM - HÀN QUỐC TP. ĐÀ NẴNG 2026

Chuỗi hoạt động giao lưu văn hóa, biểu diễn nghệ thuật, triển lãm, chiếu phim, ẩm thực và trải nghiệm văn hóa Việt - Hàn sôi động.



VĂN HÓA

Công tác bảo tồn di sản được đẩy mạnh thông qua khảo sát di tích, khai quật khảo cổ, kiểm kê và số hóa hồ sơ; trong tháng cập nhật thêm 21 hồ sơ, nâng tổng số lên 396 hồ sơ. Các bảo tàng, khu di sản thu hút đông khách tham quan, nổi bật là Hội An đón 132.489 lượt khách và Mỹ Sơn đón 33.786 lượt khách.



THỂ THAO

Phong trào thể dục, thể thao quần chúng phát triển rộng khắp; Đại hội Thể dục thể thao thành phố lần thứ X đã tổ chức 20 môn, phân môn, với phường Hải Châu tạm dẫn đầu. Đến ngày 15/8/2026, vận động viên thành phố giành 786 huy chương trong nước và 66 huy chương quốc tế.



07/8/2026

MÔN BÓNG CHUYỀN KHU VỰC MIỀN TRUNG - ĐẠI HỘI THỂ THAO SINH VIÊN TOÀN QUỐC LẦN THỨ VII NĂM 2026

Khai mạc ngày 07/8/2026 tại Đại học Đà Nẵng với sự tham gia của 10 đội tuyển sinh viên.



30/8-06/9/2026

WORLD CUP PICKLEBALL 2026

Giải đấu quốc tế quy mô lớn, quy tụ nhiều vận động viên hàng đầu thế giới.

AN TOÀN GIAO THÔNG, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ

8 THÁNG NĂM 2026

(Từ ngày 15/12/2025 đến 14/8/2026)

AN TOÀN GIAO THÔNG



SỐ VỤ TAI NẠN GIAO THÔNG

283 ↓ **107** vụ

Vụ so với cùng kỳ năm 2025



SỐ NGƯỜI CHẾT

116 ↓ **25** Người

Người so với cùng kỳ năm 2025



SỐ NGƯỜI BỊ THƯƠNG

199 ↓ **116** Người

Người so với cùng kỳ năm 2025

PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ



SỐ VỤ CHÁY, NỔ

50 ↓ **37** vụ

Vụ so với cùng kỳ năm 2025



THIỆT HẠI ƯỚC TÍNH

1,9 ↓ **1,2** Tỷ đồng

Tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2025

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



SỐ VỤ VI PHẠM MÔI TRƯỜNG

361 Vụ



SỐ TIỀN XỬ PHẠT

9,8 Tỷ đồng



Số:702/BC-TKT

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tháng Tám và 8 tháng năm 2026

Tình hình kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng tháng 8/2026 tiếp tục duy trì xu hướng phát triển tích cực trên nhiều lĩnh vực. Khu vực thương mại, dịch vụ và du lịch giữ nhịp tăng trưởng khá, sản xuất công nghiệp cơ bản ổn định; công tác thu ngân sách, đầu tư phát triển và thực hiện các chính sách an sinh xã hội được triển khai đồng bộ, góp phần củng cố nền tảng và tạo động lực thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội tháng Tám và 8 tháng năm 2026 tại thành phố Đà Nẵng như sau:

I. LĨNH VỰC KINH TẾ

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Trong tháng 8 và 8 tháng năm 2026, sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nhìn chung duy trì ổn định; trồng trọt cơ bản đảm bảo tiến độ mùa vụ, mặc dù diện tích gieo trồng giảm nhẹ; chăn nuôi tiếp tục phát triển, trong đó đàn lợn và sản lượng thịt lợn ghi nhận mức tăng trưởng tốt. Hoạt động lâm nghiệp đạt kết quả khá ở trồng rừng, trồng cây phân tán và khai thác gỗ; sản lượng thủy sản tăng nhẹ ở cả khai thác và nuôi trồng. Tuy nhiên, tình trạng thiếu nước tại một số vùng sản xuất, nguy cơ dịch bệnh trên vật nuôi và cháy rừng vẫn là những yếu tố cần tiếp tục theo dõi, kiểm soát trong thời gian tới.

1.1. Nông nghiệp

a) Lĩnh vực trồng trọt

Sản xuất trồng trọt trong tháng 8/2026 tập trung chủ yếu vào chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh và thu hoạch lúa vụ Mùa; đồng thời tiếp tục gieo trồng, chăm sóc các loại cây hằng năm khác còn lại. Tính đến ngày 20/8/2026, tổng diện tích gieo trồng cây hằng năm trên địa bàn thành phố đạt trên 145 nghìn ha, bằng 99,8% và giảm 254 ha so với cùng kỳ năm trước. Diện tích giảm chủ yếu ở vụ Đông Xuân và dự kiến tiếp tục giảm trong vụ Mùa tại một số vùng sản xuất gặp khó khăn về nguồn nước. Bên cạnh đó, diện tích rau, đậu và một số cây trồng cạn giảm do chi phí nhân công, vật tư, phân bón tăng, trong khi giá bán và hiệu quả kinh tế chưa cao, làm hạn chế khả năng mở rộng sản xuất của người dân. Nhìn chung, quy mô sản xuất trồng trọt trong

tháng duy trì tương đối ổn định; mặc dù tổng diện tích gieo trồng giảm nhẹ nhưng sản lượng của nhiều sản phẩm vẫn tăng, cho thấy kết quả sản xuất trên một đơn vị diện tích từng bước được nâng lên và góp phần vào tăng trưởng chung của ngành.

Đối với cây lúa, diện tích gieo trồng vụ Mùa ước đạt 43,5 nghìn ha, bằng 99,8% và giảm 78 ha so với cùng vụ năm trước. Diện tích giảm chủ yếu tại các khu vực cuối kênh do nguồn nước tưới không bảo đảm và một phần diện tích được chuyển đổi sang trồng các loại cây cạn khác. Hiện nay, cây lúa đang trong giai đoạn làm đòng, trổ - chín; hoạt động sản xuất cơ bản được duy trì ổn định. Tuy nhiên, trong những tháng cuối vụ, diễn biến nguồn nước và thời tiết tiếp tục là những yếu tố cần được theo dõi chặt chẽ do có thể tác động trực tiếp đến năng suất và sản lượng lúa.

Một số cây hàng năm khác tiếp tục duy trì tương đối ổn định. Diện tích ngô đạt gần 12 nghìn ha (bằng 100,9%; +107 ha); khoai lang đạt 1,7 nghìn ha (bằng 98,8%; -21 ha); lạc đạt 9,6 nghìn ha (xấp xỉ cùng kỳ năm trước); rau các loại đạt 13,6 nghìn ha (bằng 100,4%; +50 ha); đậu các loại đạt hơn 05 nghìn ha (bằng 101,5%; +73 ha) so với cùng kỳ năm trước. Đáng chú ý, sản lượng của một số cây trồng như ngô, lạc và đậu các loại tăng nhanh hơn diện tích, cho thấy xu hướng chuyển dần từ phát triển nông nghiệp theo chiều rộng, dựa vào mở rộng quy mô và diện tích, sang phát triển theo chiều sâu thông qua tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật và tối ưu hóa năng suất. Ngược lại, cây mía tiếp tục thu hẹp quy mô sản xuất, với diện tích gieo trồng giảm 9,6% và sản lượng giảm 13,3%.

Tình hình sinh vật gây hại trên cây trồng cơ bản được kiểm soát, chưa phát sinh thành dịch trên diện rộng; các đối tượng gây hại trên lúa và các loại cây trồng khác chủ yếu xuất hiện cục bộ. Trên cây lúa, một số đối tượng tiếp tục gây hại rải rác, đáng chú ý là chuột, bệnh khô vằn, rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu đục thân, bọ xít dài và bệnh đen lép hạt. Trên cây rau xuất hiện một số loại sâu, bệnh thông thường; cây ngô bị ảnh hưởng bởi sâu keo mùa thu, sâu đục thân, bệnh khô vằn và đốm lá; cây lạc xuất hiện sâu cuốn lá cùng một số bệnh gây hại ở rễ, thân và lá. Trong thời gian tới, cần tiếp tục theo dõi sát tình hình sinh vật gây hại, nhất là trên diện tích lúa cuối vụ trong giai đoạn trổ - chín, đồng thời chủ động triển khai các biện pháp phòng trừ phù hợp nhằm hạn chế tác động bất lợi đến năng suất và sản lượng cây trồng.

b) Lĩnh vực chăn nuôi

Chăn nuôi trên địa bàn thành phố cơ bản ổn định. Tại thời điểm 01/8/2026, tổng đàn trâu đạt hơn 43 nghìn con, giảm 3,4% so với cùng thời điểm năm trước; đàn bò đạt 187,3 nghìn con (+1,2%); đàn lợn đạt hơn 372 nghìn con (+6,1%); tổng đàn gia cầm đạt gần 7,5 triệu con (+1,6%), trong đó đàn gà đạt gần 6,1 triệu con (+1,3%). Đáng chú ý, đàn lợn ghi nhận mức tăng cao nhất, trong khi đàn trâu tiếp tục xu hướng giảm.

Trong tháng 8/2026, sản lượng các sản phẩm chăn nuôi chủ yếu nhìn chung tăng so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng thịt bò đạt 1,3 nghìn tấn (+5,2%); thịt lợn đạt 3,1 nghìn tấn (+15,6%) và thịt gia cầm đạt 2,4 nghìn tấn (+4,8%). Riêng sản lượng thịt trâu đạt 191 tấn, bằng 99,5% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng năm 2026, sản lượng thịt bò đạt hơn 9,4 nghìn tấn, tăng 4,2% so với cùng kỳ năm trước; thịt lợn đạt 27,5 nghìn tấn (+14,1%); thịt gia cầm đạt 18,2 nghìn tấn (+2,4%); riêng thịt trâu đạt 1,5 nghìn tấn (-0,2%). Sản lượng trứng gia cầm đạt trên 176 triệu quả (+5,7%). Mức tăng cao của sản lượng thịt lợn cho thấy sản xuất đang phục hồi và tiếp tục mở rộng quy mô; tuy nhiên, kết quả này một phần do nền so sánh cùng kỳ năm 2025 ở mức thấp, khi dịch tả lợn châu Phi ảnh hưởng đến quy mô tổng đàn và số lượng lợn xuất chuồng. Trong khi chăn nuôi bò và gia cầm duy trì mức tăng tương đối ổn định, chăn nuôi trâu tiếp tục có xu hướng thu hẹp.

Nhìn chung hoạt động chăn nuôi tiếp tục đóng góp tích cực vào tăng trưởng sản xuất nông nghiệp và bảo đảm nguồn cung thực phẩm trên địa bàn. Trong những tháng cuối năm, cần theo dõi chặt chẽ diễn biến tổng đàn, sản lượng xuất chuồng, giá bán sản phẩm và tình hình dịch bệnh; đồng thời chủ động triển khai các biện pháp phòng, chống dịch nhằm ổn định sản xuất và duy trì đà tăng trưởng của ngành chăn nuôi.

1.2. Lâm nghiệp

Hoạt động sản xuất lâm nghiệp tháng 8/2026 trên địa bàn thành phố duy trì mức tăng khá. Các đơn vị, doanh nghiệp và người dân tiếp tục triển khai trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng theo kế hoạch; đồng thời thực hiện chăm sóc rừng trồng, khoanh nuôi tái sinh và phòng, chống cháy rừng. Trong tháng, mưa xuất hiện ở nhiều nơi, tạo điều kiện thuận lợi cho việc trồng mới, trồng lại diện tích rừng sau khai thác trắng và trồng cây lâm nghiệp phân tán.

Trong tháng 8, diện tích rừng trồng mới tập trung đạt gần 2,1 nghìn ha, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 1,1 triệu cây, (+8,7%). Hoạt động khai thác lâm sản cũng ghi nhận kết quả tích cực, với sản lượng gỗ đạt 187,7 nghìn m³ (+9,7%) và sản lượng củi đạt gần 49 nghìn ste (+4,3%). Bên cạnh đó, hoạt động ươm giống cây lâm nghiệp tiếp tục phát triển ổn định; việc khai thác, thu nhặt các loại lâm sản khác mang lại giá trị khá, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế của ngành lâm nghiệp.

Tính chung 8 tháng năm 2026, diện tích rừng trồng mới tập trung đạt 8,9 nghìn ha, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 8,3 triệu cây (+7,9%). Sản lượng gỗ khai thác đạt 1,6 triệu m³ (+11,7%); sản lượng củi đạt 376 nghìn ste (+1,2%). Kết quả này cho thấy hoạt động trồng rừng, khai thác gỗ và trồng cây lâm nghiệp phân tán tiếp tục duy trì đà tăng, đóng góp tích cực vào kết

quả sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn thành phố.

Công tác quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học tiếp tục được quan tâm. Trong 8 tháng năm 2026, trên địa bàn thành phố ghi nhận 6 vụ phá rừng (-70,0%) với diện tích bị phá 2,04 ha (-64,4%) so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, riêng tháng 8 xảy ra 5 vụ cháy rừng, làm hơn 13,5 ha rừng bị cháy; tính chung 8 tháng năm 2026 xảy ra 6 vụ cháy rừng, với diện tích bị cháy 17 ha. Mặc dù công tác quản lý, bảo vệ rừng cơ bản được duy trì; tuy nhiên số vụ cháy và diện tích rừng bị thiệt hại trong tháng cho thấy nguy cơ cháy rừng vẫn cần được theo dõi, kiểm soát chặt chẽ trong thời gian tới.

1.3. Thủy sản

Hoạt động thủy sản tháng 8/2026 trên địa bàn thành phố tiếp tục duy trì ổn định. Thời tiết trên các ngư trường tương đối thuận lợi, tạo điều kiện cho các đội tàu tích cực vươn khơi, bám biển; hoạt động nuôi trồng phát triển ổn định và không phát sinh dịch bệnh lớn. Tổng sản lượng thủy sản trong tháng ước đạt 15,7 nghìn tấn, tăng 0,7%, tương ứng tăng 103 tấn so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng năm 2026, tổng sản lượng đạt hơn 129 nghìn tấn, tăng 0,6% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, cá đạt 88,7 nghìn tấn (+0,5%); tôm đạt 17,5 nghìn tấn (+1,1%); thủy sản khác đạt trên 23 nghìn tấn (+0,6%).

Đối với hoạt động khai thác, sản lượng trong tháng 8 ước đạt 12 nghìn tấn, tăng 0,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng năm 2026, sản lượng khai thác đạt 105,3 nghìn tấn, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong tổng sản lượng khai thác, khai thác biển đạt 98,8 nghìn tấn (chiếm 93,9%; +0,6%); khai thác nội địa xấp xỉ 6,5 nghìn tấn (-0,6%). Khai thác biển tiếp tục giữ vai trò chủ lực và duy trì mức tăng ổn định, với một số sản phẩm chủ yếu đạt kết quả khá như cá ngừ thường đạt hơn 14 nghìn tấn (+1,8%) và mực đạt 14,7 nghìn tấn (+0,7%) so với cùng kỳ năm trước.

Hoạt động nuôi trồng thủy sản tháng 8/2026 tiếp tục phát triển ổn định, không phát sinh dịch bệnh lớn. Sản lượng trong tháng ước đạt 3,7 nghìn tấn, tăng 1,0% so với cùng kỳ năm trước. Điều kiện sản xuất tương đối thuận lợi, nguồn giống và vật tư cơ bản đáp ứng nhu cầu; người nuôi chủ động áp dụng các biện pháp kỹ thuật, tăng cường quản lý môi trường và phòng, chống dịch bệnh.

Tính chung 8 tháng năm 2026, sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt trên 24 nghìn tấn, tăng 1,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản lượng cá đạt 08 nghìn tấn (+1,4%); tôm gần 15 nghìn tấn (+1,2%); riêng thủy sản khác đạt hơn 01 nghìn tấn (-0,5%). Tổng diện tích nuôi trồng lũy kế 8 tháng ước đạt gần 05 nghìn ha, tăng 0,9%, tương ứng tăng 45 ha so với cùng kỳ năm 2025; bao gồm 1,8 nghìn ha nuôi cá (+1,4%); 2,5 nghìn ha nuôi tôm (+0,7%) và 586 ha nuôi các đối tượng thủy sản khác

(+0,3%). Các đối tượng nuôi chủ yếu gồm tôm thẻ chân trắng, tôm sú, cá mè, cá rô phi, cá trắm, cá chép, cá diêu hồng, cá quả và một số loài cá nước ngọt khác. Kết quả trên cho thấy hoạt động nuôi trồng tiếp tục duy trì đà tăng, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và bảo đảm nguồn cung thủy sản trên địa bàn.

2. Lĩnh vực công nghiệp

Tháng 8 và 8 tháng năm 2026, hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng tiếp tục duy trì đà tăng trưởng khá, nhiều ngành, nhóm sản phẩm chủ lực đạt mức tăng trưởng tích cực. Hoạt động tiêu thụ sản phẩm công nghiệp có sự cải thiện, trong khi chỉ số tồn kho toàn ngành có xu hướng giảm, cho thấy khả năng hấp thụ sản phẩm của thị trường và hiệu quả tổ chức sản xuất của doanh nghiệp từng bước được nâng lên. Tuy nhiên, mức độ phục hồi giữa các ngành và nhóm sản phẩm vẫn chưa đồng đều; một số ngành có sản lượng, tiêu thụ giảm, tồn kho tăng cao hoặc nhu cầu sử dụng lao động giảm, phản ánh những khó khăn nhất định về đơn hàng, thị trường tiêu thụ và khả năng duy trì sản xuất.

2.1. Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp (IIP)

Dự ước tháng 8/2026, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trên địa bàn thành phố Đà Nẵng tăng 2,8% so với tháng trước và tăng 11,2% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả này cho thấy hoạt động sản xuất công nghiệp tiếp tục duy trì xu hướng tăng trưởng tích cực với sự đóng góp chính đến từ khu vực công nghiệp chế biến, chế tạo và sản xuất, phân phối điện.

Xét theo ngành công nghiệp cấp I, so với tháng trước, ngành khai khoáng tăng 17,3%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,7%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 6,5%. Riêng ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 2,2%. So với cùng kỳ năm trước, cả 4 nhóm ngành đều tăng, trong đó sản xuất và phân phối điện tăng cao nhất, 31,7%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,7%; khai khoáng tăng 5,8% và cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,1%.

Trong tháng 8/2026, hoạt động sản xuất giữa các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục có sự phân hóa. So với tháng trước, một số ngành có mức tăng khá, nổi bật như: sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 13,1%; sản xuất đồ uống tăng 10,5%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 7,6%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 6,0%; sản xuất trang phục tăng 5,7% và sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu tăng 5,6%. Ở chiều ngược lại, một số ngành có sản lượng giảm khá sâu so với tháng trước, trong đó đáng chú ý là: sản xuất thiết bị điện giảm 60,6%; in, sao chép bản ghi các loại giảm 40,4%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy giảm 7,7%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất giảm 6,7%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ

gỗ, tre, nứa, sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện giảm 6,5%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học giảm 6,3%. Bên cạnh đó, sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác, chế biến thực phẩm và sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic cũng giảm.

So với cùng kỳ năm trước, xu hướng tăng trưởng tích cực thể hiện rõ hơn khi phần lớn các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có mức tăng. Một số ngành tăng rất cao như: sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 158,7%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị tăng 114,8%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 111,6%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 77,5%. Ngoài ra, sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 49,0%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 24,1%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 24,0%; sản xuất đồ uống tăng 17,8% và sản xuất trang phục tăng 17,0%. Bên cạnh đó một số ngành có chỉ số sản xuất giảm: sản xuất chế biến thực phẩm giảm 2,4%; sản xuất xe có động cơ giảm 2,5% và sản xuất thiết bị điện giảm 9,5%. Mức giảm của một số ngành cho thấy khả năng phục hồi sản xuất giữa các lĩnh vực vẫn chưa đồng đều, phụ thuộc khá lớn vào tình hình đơn hàng và thị trường tiêu thụ của từng nhóm sản phẩm.

Tính chung 8 tháng năm 2026, chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 9,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, nhiều ngành tiếp tục duy trì mức tăng cao, đóng góp tích cực vào tăng trưởng chung. Nổi bật là sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 122,9%; sản xuất thiết bị điện tăng 29,5%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện tăng 25,6%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị tăng 23,9%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 18,4%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 18,2%.

2.2. Một số sản phẩm chủ yếu

Trong tháng 8/2026, nhiều sản phẩm sản xuất chủ lực có chuyển biến tích cực, góp phần duy trì đà tăng trưởng chung của ngành. So với tháng trước, nổi bật là: sắt, thép không hợp kim dạng thỏi đúc hoặc dạng thô khác tăng 69,1%; điện sản xuất tăng 42,0%; thiết bị câu và bắt cá tăng 33,6%; thịt cá đông lạnh tăng 28,9%; nước ngọt tăng 17,4% và bia các loại tăng 8,1%. So với cùng kỳ năm trước, một số sản phẩm, dịch vụ tăng mạnh như dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy bay và tàu vũ trụ tăng 114,8%; than đá tăng 90,2%; điện thương phẩm tăng 81,4%; bia các loại tăng 69,8% và xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa tăng 42,1%.

Ở chiều ngược lại, một số sản phẩm và dịch vụ có sản lượng giảm khá mạnh so với tháng trước, như: dịch vụ xử lý nước thải giảm 37,1%; dịch vụ thu gom rác thải không độc hại có thể tái chế giảm 19,4%; các bộ phận của giày, dép bằng da giảm 16,1%; động cơ điện một chiều giảm 14,2%; tôm đông lạnh giảm 12,3%; lớp hơi mới bằng cao

su giảm 8,9%; bê tông trộn sẵn giảm 8,6%; xi măng Portland đen giảm 8,4% và đá xây dựng khác giảm 6,2%

Tính chung 8 tháng năm 2026, nhiều sản phẩm chủ lực duy trì mức tăng khá, trong đó: thiết bị và dụng cụ khác dùng trong y khoa tăng 62,4%; bia tăng 43,8%; bộ lọc dầu hoặc xăng cho động cơ đốt trong tăng 32,8%; xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa tăng 27,0%; vỏ bào, dăm gỗ tăng 26,8%; dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy bay và tàu vũ trụ tăng 23,9%; điện thương phẩm tăng 20,7% và tôm đông lạnh tăng 20,5%. Đây là những nhóm sản phẩm đóng góp tích cực vào kết quả sản xuất công nghiệp của thành phố.

Đồng thời một số sản phẩm tiếp tục ghi nhận mức giảm sâu trong 8 tháng như: đá xây dựng giảm 65,7%; thịt cá đông lạnh giảm 26,9%; điện sản xuất giảm 25,7%; lốp hơi mới bằng cao su giảm 19,5%; nước ngọt và vải dệt thoi từ sợi bông đều giảm 13,8%. Các nhóm này vẫn là những điểm cần lưu ý trong những tháng cuối năm, nhất là các sản phẩm có mức giảm kéo dài hoặc liên quan trực tiếp đến thị trường xây dựng và tiêu dùng.

Nhìn chung, cơ cấu sản phẩm công nghiệp trong 8 tháng năm 2026 cho thấy động lực tăng trưởng đang tập trung ở các nhóm thiết bị, máy móc, vận tải, y tế, thực phẩm - đồ uống và một số sản phẩm có thị trường đầu ra thuận lợi; trong khi vật liệu xây dựng, điện sản xuất và một số sản phẩm dệt may, cao su còn gặp khó khăn. Sự phân hóa này cho thấy quá trình phục hồi sản xuất vẫn chưa đồng đều, đòi hỏi doanh nghiệp tiếp tục chủ động điều chỉnh cơ cấu sản phẩm, tìm kiếm thị trường và nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu của từng phân khúc

2.3. Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo

Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong tháng 8/2026 tăng 5,7% so với tháng trước và tăng 7,8% so với tháng cùng kỳ. Tính chung 8 tháng năm 2026, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,4% so với cùng kỳ, trong đó nhiều ngành duy trì mức tăng khá như: chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện tăng 27,4%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu tăng 25,6%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 16,9%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 17,7%; sản xuất đồ uống tăng 16,3%; chế biến thực phẩm tăng 14,6%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 14,3%... Bên cạnh đó, một số ngành có chỉ số tiêu thụ giảm trong 8 tháng, gồm: dệt giảm 15,7%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 11,3%; sản xuất thiết bị điện giảm 7,6% và sản xuất kim loại giảm 1,2%.

Nhìn chung chỉ số tiêu thụ sản phẩm công nghiệp trên địa bàn thành phố vẫn duy trì xu hướng tích cực, nhiều ngành có mức tiêu thụ tăng khá, tạo điều kiện hỗ trợ

doanh nghiệp duy trì sản xuất. Tuy nhiên, thị trường tiêu thụ vẫn còn phân hóa, nhất là ở một số ngành dệt, cao su và plastic, thiết bị điện và kim loại.

2.4. Chỉ số tồn kho ngành chế biến, chế tạo

Tính đến cuối tháng 8 năm 2026 chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 1,5% so với tháng trước và giảm 4,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong bối cảnh sản xuất và tiêu thụ cùng tăng, mức giảm của tồn kho là tín hiệu tương đối tích cực, cho thấy khả năng tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp có sự cải thiện và lượng hàng tồn kho toàn ngành cơ bản được kiểm soát.

So với cùng kỳ, một số ngành có mức tồn kho tăng cao như: sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 251,4%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 141,9%; sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 123,9%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu tăng 111,6% và sản xuất đồ uống tăng 76,8%... Ở chiều ngược lại, một số ngành có mức tồn kho giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước gồm: in, sao chép bản ghi các loại giảm 100%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 83,6%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 80,8%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn giảm 72,7%; sản xuất trang phục giảm 54,2%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác giảm 44,9% và sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 32,1%...

Nhìn chung, chỉ số tồn kho toàn ngành giảm cả so với tháng trước và cùng kỳ năm trước là tín hiệu tích cực đối với hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, tồn kho tăng rất cao tại một số ngành như hóa chất, dược phẩm, thuốc lá và máy móc, thiết bị cho thấy cần tiếp tục theo dõi sát diễn biến đơn hàng và thị trường đầu ra, nhằm hạn chế nguy cơ hàng hóa tồn kho tăng trong những tháng cuối năm.

2.5. Chỉ số lao động ngành công nghiệp

Chỉ số sử dụng lao động của các doanh nghiệp công nghiệp tính đến cuối tháng 8/2026 tăng 0,7% so với tháng trước nhưng giảm 1,3% so với cùng kỳ năm trước. Diễn biến này cho thấy nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp đã có sự cải thiện nhẹ theo tháng, song nhìn chung vẫn thấp hơn cùng kỳ năm trước. Trong đó, lao động khu vực doanh nghiệp FDI tăng 5,2%. Xét theo ngành kinh tế, lao động ngành khai khoáng tăng 30,0%, trong khi các ngành: công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 1,4%; sản xuất và phân phối điện giảm 3,7% và hoạt động cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 9,9%.

Tính chung 8 tháng năm 2026, chỉ số sử dụng lao động của các doanh nghiệp công nghiệp giảm 1,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó lao động khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước và doanh nghiệp FDI tăng lần lượt 1,6% và 0,7%, trong khi doanh nghiệp nhà nước giảm đến 19,5%. Xét theo ngành kinh tế, lao động ngành khai khoáng tăng 7,6%, các ngành chế biến, chế tạo; sản xuất và phân phối điện; cung cấp

nước và xử lý rác thải đều lần lượt giảm (-1,0%; -4,8% và -8,5%).

Mặc dù chỉ số sử dụng lao động ngành công nghiệp giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước nhưng chỉ số sản xuất công nghiệp vẫn duy trì mức tăng khá, điều này cho thấy hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp cơ bản ổn định và năng suất lao động bình quân có xu hướng được cải thiện. Tuy nhiên, mức giảm lao động ở một số ngành cũng phản ánh sự phục hồi chưa đồng đều giữa các lĩnh vực sản xuất.

Nhìn chung, công nghiệp Đà Nẵng trong tháng 8 và 8 tháng năm 2026 tiếp tục duy trì đà tăng trưởng khá với chỉ số IIP 8 tháng tăng 9,7%. Động lực chủ yếu đến từ các ngành chế biến, chế tạo, trong đó một số ngành như: sản xuất phương tiện vận tải; sản xuất thiết bị điện, chế biến gỗ, hóa chất, máy móc, da và sản phẩm có liên quan tăng trưởng nổi bật. Cùng với đó, hoạt động tiêu thụ sản phẩm được cải thiện và tồn kho toàn ngành có xu hướng giảm là những tín hiệu tích cực đối với hoạt động sản xuất trên địa bàn.

Tuy nhiên, sự tăng trưởng giữa các nhóm ngành công nghiệp vẫn chưa đồng đều. Hoạt động khai khoáng tiếp tục giảm sâu qua số liệu 8 tháng mặc dù trong tháng 8/2026 đã có sự tăng trưởng; một số ngành thuộc nhóm công nghiệp chế biến, chế tạo sản xuất và tiêu thụ tiếp tục giảm; mức tồn kho chung giảm nhưng chi tiết ở một số ngành vẫn còn mức tồn kho tăng cao. Những yếu tố này cho thấy hoạt động sản xuất vẫn cần được hỗ trợ về thị trường tiêu thụ, đơn hàng và nâng cao hiệu quả sản xuất.

Trong những tháng cuối năm, cần tiếp tục nắm bắt tình hình hoạt động của doanh nghiệp, thúc đẩy tiêu thụ, mở rộng thị trường và hỗ trợ kết nối đơn hàng; đồng thời theo dõi các ngành có tồn kho cao, nhất là những trường hợp tồn kho gia tăng do khó khăn về đầu ra và tiêu thụ sản phẩm, để kịp thời tìm hướng tháo gỡ. Việc duy trì đà tăng trưởng ở các ngành có kết quả tích cực, kết hợp với tháo gỡ khó khăn cho các ngành còn yếu, sẽ góp phần giữ vững đà tăng trưởng ngành công nghiệp, tạo động lực thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế chung của thành phố năm 2026.

3. Thương mại và dịch vụ

Tháng 8/2026, hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, với sự cải thiện ở hầu hết các nhóm ngành. Hoạt động bán lẻ và bán buôn hàng hóa tiếp tục tăng so với cùng kỳ, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và sản xuất; dịch vụ lưu trú, ăn uống và lễ hành duy trì mức tăng khá, được hỗ trợ bởi lượng khách du lịch và chuỗi sự kiện văn hóa, thể thao, thương mại trên địa bàn. Các dịch vụ tiêu dùng khác tiếp tục phát triển, trong đó bất động sản giữ quy mô doanh thu lớn, cùng với giáo dục, dịch vụ hành chính và hỗ trợ có mức tăng đáng kể. Vận tải hành khách, vận tải hàng hóa tiếp tục mở rộng theo nhu cầu đi lại, lưu thông hàng hóa; đồng thời dịch vụ hỗ trợ vận tải, kho bãi, bưu chính và

chuyển phát duy trì tăng trưởng, gắn với sự phát triển của thương mại điện tử, logistics và hệ thống cảng biển. Tính chung 8 tháng năm, các hoạt động thương mại, dịch vụ đều duy trì mức tăng khá so với cùng kỳ, tiếp tục là động lực quan trọng của tăng trưởng kinh tế thành phố và tạo nền tảng cho sức cầu thị trường trong những tháng cuối năm. Kết quả này được thể hiện cụ thể qua tình hình hoạt động thương mại và dịch vụ trong tháng 8 và 8 tháng năm 2026 như sau:

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 8/2026 ước đạt 29.446 tỷ đồng, tăng 2,1% so với tháng trước và tăng 32,1% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế từ đầu năm đến cuối tháng 8/2026, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 207.827 tỷ đồng, tăng 23,9% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 112.311 tỷ đồng (+23,2%); doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 46.932 tỷ đồng (+25,1%); doanh thu du lịch lữ hành (sau khi trừ chi hộ) đạt 3.611 tỷ đồng (+15,9%); doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác đạt 44.972 tỷ đồng (tăng 25,1% so với cùng kỳ năm trước).

3.1. Lĩnh vực thương mại hàng hóa

a) Hoạt động bán lẻ hàng hóa

Hoạt động bán lẻ hàng hóa tháng 8/2026 tiếp tục tăng, với sức mua cải thiện ở phần lớn nhóm hàng. Các hoạt động du lịch, văn hóa và xúc tiến thương mại góp phần kích thích tiêu dùng, trong đó Hội chợ Quốc tế Thương mại, Du lịch và Đầu tư Hành lang kinh tế Đông - Tây Đà Nẵng 2026 diễn ra từ ngày 12–17/8 với gần 250 gian hàng tạo thêm cơ hội quảng bá, kết nối và tiêu thụ sản phẩm; Lễ hội Sâm Ngọc Linh và Dược liệu quốc tế Đà Nẵng 2026 góp phần thúc đẩy tiêu thụ các sản phẩm dược liệu và chăm sóc sức khỏe. Các nhóm lương thực, thực phẩm, hàng may mặc, đồ dùng gia đình và xăng dầu tăng so với tháng trước; ngược lại, ô tô, phương tiện đi lại và đá quý, kim loại quý giảm, trong đó sức mua một số mặt hàng giá trị lớn chịu ảnh hưởng của yếu tố mùa vụ. So với cùng kỳ, hầu hết nhóm hàng đều tăng, nổi bật là xăng dầu và đá quý, kim loại quý; riêng ô tô tiếp tục giảm.

Tính chung 8 tháng năm 2026, thị trường bán lẻ duy trì mức tăng khá, với hầu hết nhóm hàng tăng so với cùng kỳ. Lương thực, thực phẩm tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn; đồ dùng gia đình, xăng dầu và đá quý, kim loại quý có mức tăng cao. Hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại và các hoạt động xúc tiến thương mại tiếp tục góp phần mở rộng tiêu dùng trên địa bàn.

Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 8/2026 ước đạt 14.755 tỷ đồng, tăng 1,2% so với tháng trước và tăng 27,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại ước đạt 1.349 tỷ đồng, tăng 2,9% so với tháng trước và tăng 38,0% so với cùng kỳ. So với tháng trước, mức tăng diễn ra ở phần lớn nhóm hàng, tập

trung ở hàng may mặc (+8,5%), vật phẩm văn hóa, giáo dục (+3,8%), lương thực, thực phẩm (+3,6%), xăng, dầu các loại (+3,3%) và hàng hóa khác (+3,2%), phản ánh nhu cầu tiêu dùng và mua sắm vẫn duy trì tích cực; trong khi ô tô (-7,5%), phương tiện đi lại (-8,5%) và đá quý, kim loại quý (-7,5%) giảm, chủ yếu ở các mặt hàng có giá trị lớn và chịu tác động của yếu tố mùa vụ. So với cùng kỳ năm trước, hầu hết các nhóm hàng đều tăng, nổi bật là xăng, dầu các loại (+69,1%), đá quý, kim loại quý (+56,7%), nhiên liệu khác (+37,5%), lương thực, thực phẩm (+32,2%), vật phẩm văn hóa, giáo dục (+26,9%) và đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình (+25,2%). Diễn biến này cho thấy thị trường bán lẻ tiếp tục duy trì đà tăng khá, với cả nhóm hàng thiết yếu và một số nhóm hàng có giá trị cao đóng góp tích cực vào tăng trưởng chung; riêng ô tô các loại giảm 22,9%, cho thấy sức mua vẫn có sự phân hóa giữa các nhóm hàng.

Tính chung từ đầu năm đến cuối tháng 8/2026, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 112.311 tỷ đồng, chiếm 54,0% trong tổng mức và tăng 23,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại ước đạt 9.859 tỷ đồng, tăng 23,7% so với cùng kỳ năm trước. Hầu hết các nhóm hàng ghi nhận mức tăng so với cùng kỳ, trong đó tăng cao nhất là đá quý, kim loại quý (+69,4%), xăng, dầu các loại (+56%), đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình (+30,6%), vật phẩm văn hóa, giáo dục (+21,4%) và lương thực, thực phẩm (+18,6%). Các nhóm hàng còn lại cũng duy trì mức tăng, góp phần củng cố đà tăng chung của thị trường; riêng doanh thu ô tô các loại giảm 8,7%, cho thấy sức mua vẫn có sự phân hóa giữa các nhóm hàng.

b) Hoạt động bán buôn hàng hóa

Hoạt động bán buôn hàng hóa tháng 8/2026 có sự điều chỉnh theo nhu cầu thị trường và tính mùa vụ, doanh thu giảm so với tháng trước nhưng vẫn tăng khá so với cùng kỳ năm trước. Một số nhóm hàng phục vụ sản xuất như gỗ và vật liệu xây dựng, phân bón, thuốc trừ sâu, xăng dầu và nhiên liệu khác có mức tăng; trong khi ô tô, phương tiện đi lại và một số mặt hàng phục vụ tiêu dùng có doanh thu giảm so với tháng trước.

Tính chung 8 tháng năm 2026, hoạt động bán buôn giữ mức tăng trưởng khá, với phần lớn nhóm hàng có doanh thu cao hơn cùng kỳ. Nhóm hàng hóa khác, lương thực, thực phẩm và đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu. Bên cạnh đó, một số nhóm phục vụ sản xuất như phân bón, thuốc trừ sâu, vật phẩm văn hóa, giáo dục và xăng dầu tăng cao, góp phần nâng mức tăng chung của thị trường bán buôn. Riêng nhóm ô tô các loại vẫn giảm so với cùng kỳ, cho thấy sức mua giữa các nhóm hàng chưa đồng đều.

Doanh thu bán buôn hàng hóa tháng 8/2026 ước đạt 29.278 tỷ đồng, giảm 5,2% so với tháng trước và tăng 20,0% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng năm

2026, doanh thu bán buôn đạt 222.443 tỷ đồng, tăng 17,5% so với cùng kỳ. Phần lớn các nhóm hàng đều tăng, trong đó nổi bật là phân bón, thuốc trừ sâu (+147,4%), vật phẩm văn hóa, giáo dục (+81,1%), đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình (+47,3%), xăng, dầu các loại (+28,5%) và hàng hóa khác (+21,6%), phản ánh nhu cầu hàng hóa phục vụ cả sản xuất và tiêu dùng tiếp tục được duy trì. Các nhóm lương thực, thực phẩm, gỗ và vật liệu xây dựng, phương tiện đi lại và nhiên liệu khác cũng tăng khá; riêng ô tô các loại giảm 2,6%, cho thấy thị trường bán buôn vẫn có sự phân hóa giữa các nhóm hàng.

3.2. Hoạt động du lịch

Trong tháng 8/2026, hoạt động du lịch và các dịch vụ phục vụ du khách trên địa bàn thành phố tiếp tục diễn ra sôi động, dù đã qua cao điểm mùa hè. Nhiều sự kiện văn hóa, thể thao và giao lưu quốc tế như Lễ hội sông Cỏ Cò, Lễ hội Sâm Ngọc Linh & Dược liệu quốc tế, Vòng chung kết Hội thao Công an nhân dân, Lễ hội Việt Nam - Hàn Quốc 2026 và World Cup Pickleball 2026 góp phần duy trì lượng khách và nhu cầu sử dụng dịch vụ. Bên cạnh đó, chuyến thăm và giao lưu của tàu sân bay USS George Washington cùng hai tàu hộ tống tại Đà Nẵng từ ngày 30/7 đến 5/8 góp phần gia tăng nhu cầu đối với các dịch vụ ăn uống, mua sắm và tham quan trên địa bàn. Tính chung 8 tháng năm 2026, hoạt động lưu trú, ăn uống và lữ hành giữ mức tăng khá, phản ánh nhu cầu du lịch và chi tiêu của khách đến thành phố tiếp tục được cải thiện. Bên cạnh các thị trường khách truyền thống, thành phố từng bước mở rộng các sản phẩm du lịch chuyên biệt, trong đó có du lịch MICE, du lịch cưới và các chương trình nghỉ dưỡng kết hợp trải nghiệm. Việc tổ chức các sự kiện, cùng hệ thống cơ sở lưu trú, dịch vụ ăn uống và giao thông ngày càng hoàn thiện, góp phần duy trì sức hút của Đà Nẵng trong những tháng tiếp theo.

a) Dịch vụ lưu trú và ăn uống

Dịch vụ lưu trú, ăn uống tiếp tục là nhóm hoạt động gắn chặt với sự phát triển của du lịch thành phố. Lượng khách đến Đà Nẵng tăng khá so với cùng kỳ, kéo theo nhu cầu lưu trú, ăn uống và các dịch vụ phục vụ du khách. Hệ thống cơ sở lưu trú được duy trì, cùng với kết nối giao thông thuận lợi, tạo điều kiện đáp ứng nhu cầu của cả khách quốc tế và khách trong nước.

Trong tháng 8/2026, lượng khách lưu trú giảm nhẹ so với tháng trước sau khi kết thúc cao điểm du lịch hè, song vẫn tăng khá so với cùng kỳ. Khách quốc tế tiếp tục tăng, trong khi khách trong nước có mức tăng cao hơn, qua đó duy trì nhu cầu đối với dịch vụ lưu trú. Hoạt động ăn uống có mức tăng nổi bật, một phần gắn với lượng khách du lịch và nhu cầu vui chơi, giải trí trong mùa hè; các hoạt động kinh tế đêm,

phổ đi bộ, phổ đêm và dịch vụ ẩm thực ven biển tiếp tục góp phần mở rộng nhu cầu tiêu dùng.

Tính chung 8 tháng năm 2026, dịch vụ lưu trú và ăn uống duy trì mức tăng khá, trong đó doanh thu ăn uống tăng nhanh hơn dịch vụ lưu trú. Lượng khách lưu trú qua đêm tăng ở cả khách quốc tế và khách trong nước, song thời gian lưu trú bình quân cơ bản ổn định. Kết quả này phản ánh sức mua từ khách du lịch tiếp tục là nguồn cầu quan trọng đối với các cơ sở lưu trú, nhà hàng và dịch vụ ăn uống trên địa bàn.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tháng 8/2026 ước đạt 7.429 tỷ đồng, tăng 0,9% so với tháng trước nhưng tăng 38,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu dịch vụ lưu trú đạt 2.482 tỷ đồng, giảm 4,3% so với tháng trước và tăng 21,7% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ ăn uống đạt 4.947 tỷ đồng, tăng 3,7% so với tháng trước nhưng tăng 48,1% so với cùng kỳ năm trước.

Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 8/2026, doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống ước đạt 46.932 tỷ đồng, chiếm 22,6% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, tăng 25,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu dịch vụ lưu trú đạt 14.917 tỷ đồng (+21,1%); dịch vụ ăn uống đạt 32.015 tỷ đồng (+27,1%).

Tổng số lượt khách do các cơ sở lưu trú phục vụ trong tháng 8/2026 ước đạt 2.160,9 nghìn lượt, giảm 2,1% so với tháng trước và tăng 26,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khách quốc tế đạt 879 nghìn lượt (tăng 3,5% so với tháng trước; tăng 15,8% so với cùng kỳ), khách trong nước đạt 1.281,9 nghìn lượt (giảm 5,6% so với tháng trước; tăng 35,8% so với cùng kỳ năm trước). Tính chung từ đầu năm đến cuối tháng 8/2026, tổng lượt khách cơ sở lưu trú phục vụ ước đạt 14.247 nghìn lượt, tăng 24,9% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, khách quốc tế ước đạt 6.884 nghìn lượt, tăng 26,3%; khách trong nước đạt 7.363 nghìn lượt, tăng 23,6%.

Ước tháng 8/2026, lượt khách ngủ qua đêm đạt 1.981,9 nghìn lượt, giảm 2,7% so với tháng trước và tăng 28,9% so với cùng kỳ; trong đó, khách quốc tế ước đạt 873,3 nghìn lượt và khách trong nước ước đạt 1.108,6 nghìn lượt. Tính chung từ đầu năm đến cuối tháng 8/2026, lượt khách ngủ qua đêm ước đạt 12.990,5 nghìn lượt (+27,8%); trong đó, khách quốc tế ngủ qua đêm ước đạt 6.846,8 nghìn lượt (+26,5%); khách trong nước ngủ qua đêm ước đạt 6.143,7 nghìn lượt (tăng 29,4% so với cùng kỳ năm trước).

Số ngày lưu trú bình quân của khách ngủ qua đêm tính chung từ đầu năm đến cuối tháng 8/2026 là 1,82 ngày/lượt; trong đó, khách quốc tế là 1,97 ngày/lượt và khách trong nước là 1,65 ngày/lượt (cùng kỳ năm 2025: 1,80 ngày/lượt đối với khách chung; 1,93 ngày/lượt đối với khách quốc tế và 1,66 ngày/lượt đối với khách trong nước).

b) Hoạt động lữ hành và các dịch vụ hỗ trợ du lịch

Hoạt động lữ hành tháng 8/2026 có sự phân hóa theo thị trường khách. Sau cao điểm du lịch hè, lượng khách theo tour giảm so với tháng trước nhưng vẫn tăng khá so với cùng kỳ; trong đó khách quốc tế và khách Việt Nam đi du lịch nước ngoài có mức tăng đáng kể. Doanh nghiệp lữ hành tập trung khai thác các phân khúc có khả năng chi tiêu cao như du lịch cưới hạng sang dành cho khách từ Úc, Ấn Độ, Malaysia

và du lịch MICE, đồng thời xây dựng các chương trình nghỉ dưỡng kết hợp hội nghị, trải nghiệm theo định hướng “Đà Nẵng - Chạm về nguyên bản”.

Tính chung 8 tháng năm 2026, lượng khách theo tour tăng ở cả thị trường quốc tế và trong nước, trong khi khách Việt Nam đi du lịch nước ngoài cũng có xu hướng mở rộng. Chính sách kích cầu MICE được điều chỉnh theo hướng giảm quy mô đoàn tối thiểu để hưởng ưu đãi; cùng với việc áp dụng “MICE Standard Checklist”, các doanh nghiệp có thêm điều kiện xây dựng sản phẩm trọn gói, nâng cao khả năng thu hút các đoàn khách hội nghị, hội thảo. Trong bối cảnh giá nhiên liệu Jet-A1 còn cao, việc mở rộng thị trường và chuyển sang các phân khúc có giá trị gia tăng cao tiếp tục là hướng thích ứng đáng chú ý của ngành lữ hành.

Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành (sau khi trừ chi hộ) tháng 8/2026 ước đạt 616 tỷ đồng, giảm 2,3% so với tháng trước và tăng 24,9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung từ đầu năm đến cuối tháng 8/2026, doanh thu hoạt động này ước đạt 3.611 tỷ đồng, chiếm 1,7% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, tăng 15,9% so với cùng kỳ năm trước.

Số lượt khách du lịch theo tour do cơ sở lữ hành phục vụ trong tháng 8/2026 ước đạt 191,8 nghìn lượt, giảm 8,4% so với tháng trước và tăng 17,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khách quốc tế ước đạt 62,8 nghìn lượt, tăng 2,2% so với tháng trước và tăng 23,2% so với cùng kỳ; khách trong nước ước đạt 110,1 nghìn lượt, giảm 15,8% so với tháng trước và tăng 5,7% so với cùng kỳ; khách Việt Nam đi du lịch nước ngoài đạt 18,8 nghìn lượt, tăng 10,8% so với tháng trước và tăng 129,6% so với cùng kỳ.

Tính chung từ đầu năm đến cuối tháng 8/2026, lượt khách du lịch theo tour ước đạt 1.152,3 nghìn lượt, tăng 11,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khách quốc tế ước đạt 426,0 nghìn lượt (tăng 11,4%); khách trong nước ước đạt 632,7 nghìn lượt (+9,2%); khách Việt Nam đi du lịch nước ngoài đạt 93,6 nghìn lượt (tăng 37,2% so với cùng kỳ năm trước).

3.3. Dịch vụ tiêu dùng khác

Trong tháng 8/2026, hoạt động các ngành dịch vụ trên địa bàn thành phố tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, với diễn biến khác nhau giữa các nhóm ngành. Hoạt động nghệ thuật, vui chơi và giải trí giảm nhẹ sau giai đoạn cao điểm du lịch hè; trong khi giáo dục và đào tạo tăng mạnh do bước vào thời điểm chuẩn bị năm học mới. Các dịch vụ hành chính và hỗ trợ, y tế và hoạt động trợ giúp xã hội, cùng các dịch vụ phục vụ đời sống tiếp tục tăng, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của người dân. Riêng hoạt động kinh doanh bất động sản tiếp tục được quan tâm trong tháng 8/2026. Thị trường có dấu hiệu sôi động hơn, thể hiện qua lượng khách hàng tìm hiểu dự án, tham quan và giao dịch tại các sàn, văn phòng môi giới. Phân khúc căn hộ tiếp tục được quan tâm, trong khi nhà ở và đất ở vẫn là nhóm sản phẩm chiếm tỷ trọng lớn. Thị trường cũng có sự phân hóa rõ hơn, với dòng tiền tập trung vào những dự án có vị trí thuận lợi, pháp lý rõ ràng và được hưởng lợi từ hạ tầng.

Tính chung 8 tháng năm 2026, hoạt động các ngành dịch vụ duy trì mức tăng khá so với cùng kỳ năm trước, trong đó bất động sản tiếp tục chiếm quy mô doanh thu lớn nhất. Sự phục hồi của thị trường bất động sản gắn với diễn biến tích cực của

kinh tế thành phố, tiến độ triển khai các dự án hạ tầng và sự quan tâm trở lại của người mua và nhà đầu tư. Các thông tin về định hướng quy hoạch, việc triển khai Khu thương mại tự do, Trung tâm tài chính khu vực, dự án Làng Đại học cùng tiến độ đầu tư tại các khu đô thị ở Hòa Xuân, FPT cũng góp phần cải thiện kỳ vọng của thị trường. Đáng chú ý, nhiều dự án hạ tầng và đô thị quy mô lớn đang được triển khai, tạo thêm dư địa phát triển cho thị trường bất động sản. Cảng Liên Chiểu, Da Nang Downtown và Làng Vân là những dự án có quy mô lớn, có khả năng tác động đến không gian phát triển đô thị và nhu cầu bất động sản trong thời gian tới. Bên cạnh đó, các dự án nhà ở như Sun Symphony Residence, Sun Cora Tower và các khu đô thị, dự án giáo dục, thương mại đang triển khai góp phần bổ sung nguồn cung cho thị trường.

Hoạt động bất động sản nghỉ dưỡng, khách sạn và shophouse cũng được hỗ trợ bởi sự phục hồi của du lịch và các sự kiện được tổ chức trên địa bàn. Dòng vốn từ các nhà đầu tư ngoài thành phố và kiều bào có xu hướng quan tâm đến các sản phẩm căn hộ cao cấp, biệt thự nghỉ dưỡng và nhà phố tại những khu vực ven sông, ven biển và trung tâm. Một số dự án như The Sang Residence, Peninsula Da Nang, Sun Symphony Residence, Newtown Diamond và Sun Ponte Residence tiếp tục được thị trường quan tâm. Cùng với đó, các hoạt động kết nối, giới thiệu và mở bán dự án được tổ chức thường xuyên hơn, góp phần làm tăng mức độ giao dịch trên thị trường. Trong thời gian tới, thị trường bất động sản Đà Nẵng được hỗ trợ bởi việc tiếp tục hoàn thiện hạ tầng giao thông và đô thị, trong đó có các dự án kết nối khu vực phía Tây, hành lang ven biển và các khu đô thị mới. Tuy nhiên, thị trường vẫn có sự phân hóa giữa các phân khúc; khả năng hấp thụ của từng sản phẩm phụ thuộc nhiều vào vị trí, pháp lý, tiến độ dự án và nhu cầu thực tế của người mua.

Theo đó, tổng doanh thu dịch vụ khác tháng 8/2026 ước đạt 6.646 tỷ đồng, tăng 6,1% so với tháng trước nhưng tăng 38,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, dịch vụ kinh doanh bất động sản (tính cho tiêu dùng cuối cùng) đạt 2.337 tỷ đồng, tăng 5,2% so với tháng trước và tăng 29,7% so với cùng kỳ.

Tính chung 8 tháng năm 2026, doanh thu nhóm dịch vụ khác ước đạt 44.972 tỷ đồng, tăng 25,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, dịch vụ kinh doanh bất động sản tiếp tục chiếm quy mô lớn nhất, đạt 14.669 tỷ đồng, tăng 20,2%; dịch vụ hành chính và hỗ trợ đạt 10.773 tỷ đồng, tăng 43,3%; dịch vụ nghệ thuật, vui chơi và giải trí đạt 7.302 tỷ đồng, tăng 17,7%; giáo dục và đào tạo đạt 5.599 tỷ đồng, tăng 43,1%. Các nhóm y tế và hoạt động trợ giúp xã hội, dịch vụ khác lần lượt đạt 3.301 tỷ đồng và 3.329 tỷ đồng, tăng tương ứng 3,5% và 14,4%. Nhìn chung, các nhóm dịch vụ đều tăng so với cùng kỳ, trong đó dịch vụ hành chính, hỗ trợ và giáo dục, đào tạo có tốc độ tăng cao, góp phần thúc đẩy mức tăng chung của nhóm dịch vụ tiêu dùng.

3.4. Dịch vụ vận tải, kho bãi; bưu chính và chuyển phát

Tổng doanh thu ngành vận tải, dịch vụ kho bãi, hỗ trợ vận tải và bưu chính, chuyển phát tháng 8/2026 ước đạt 4.147 tỷ đồng, tăng 4,4% so với tháng trước và tăng 40,0% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung từ đầu năm đến cuối tháng 8/2026, tổng doanh thu toàn ngành đạt 29.215 tỷ đồng, tăng 23,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vận tải hành khách đạt 4.480 tỷ đồng (+23,8%), vận tải hàng hóa đạt 10.280

tỷ đồng (+31,4%), dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 13.386 tỷ đồng (+17,4%), và dịch vụ bưu chính - chuyển phát đạt 1.069 tỷ đồng (tăng 34,7% so với cùng kỳ năm trước).

a) Vận tải hành khách

Hoạt động vận tải hành khách trên địa bàn thành phố tiếp tục tăng, gắn với nhu cầu đi lại của người dân và khách du lịch. Các hoạt động kích cầu du lịch, sự kiện thể thao, hội nghị và hội thảo được tổ chức trong năm góp phần duy trì nhu cầu vận chuyển hành khách, nhất là trong mùa du lịch hè. Cùng với đó, hệ thống giao thông kết nối với các điểm du lịch và Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng tiếp tục phục vụ nhu cầu đi lại trên địa bàn.

Trong tháng 8/2026, mặc dù đã vào cuối mùa du lịch hè, vận tải hành khách vẫn duy trì mức tăng khá. Hoạt động vận chuyển được hỗ trợ bởi các chương trình phục vụ du lịch như tuyến xe buýt đến Sun World Ba Na Hills và các sự kiện diễn ra trên địa bàn, trong đó có World Cup Pickleball 2026, Hội thao Công an nhân dân và các hoạt động MICE. Tính chung 8 tháng năm 2026, vận tải hành khách duy trì mức tăng so với cùng kỳ năm trước. Nhu cầu đi lại tăng cùng với sự phục hồi và phát triển của hoạt động du lịch, dịch vụ; hệ thống đường bay và các tuyến vận tải kết nối thành phố với các địa phương trong nước và quốc tế tiếp tục góp phần đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân và du khách. Vận tải đường bộ vẫn là loại hình chủ yếu, trong khi vận tải đường thủy nội địa tiếp tục phục vụ nhu cầu đi lại, tham quan và du lịch trên địa bàn.

Trong tháng 8/2026, doanh thu vận tải hành khách bằng đường bộ và đường thủy trên địa bàn thành phố ước đạt 638 tỷ đồng, tăng 5,0% so với tháng trước và tăng 41,1% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế từ đầu năm đến cuối tháng 8/2026, doanh thu của hai loại hình vận tải này ước đạt 4.480 tỷ đồng, tăng 23,8% so với cùng kỳ năm trước.

Khối lượng vận chuyển hành khách bằng đường bộ và đường thủy trong tháng 8/2026 ước đạt 9,4 triệu lượt, tăng 3,9% so với tháng trước và tăng 27,2% so với cùng kỳ năm trước. Khối lượng luân chuyển hành khách ước đạt 468,9 triệu lượt hành khách.km, tăng 2,2% so với tháng trước và tăng 39,0% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung từ đầu năm đến cuối tháng 8/2026, tổng khối lượng vận chuyển hành khách đạt 69,2 triệu lượt, tăng 15,8% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, vận tải đường bộ tăng 16,0% và đường thủy nội địa tăng 12,3%. Khối lượng luân chuyển hành khách cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 8/2026 đạt 3.328,2 triệu lượt hành khách.km, tăng 19,0%; trong đó, đường thủy nội địa tăng 6,4% và đường bộ tăng 19,0% so với cùng kỳ năm trước.

b) Vận tải hàng hóa

Hoạt động vận tải hàng hóa trên địa bàn thành phố tiếp tục duy trì mức tăng trưởng khá, gắn với nhu cầu vận chuyển hàng hóa từ các khu công nghiệp, khu công nghệ cao và các khu vực sản xuất lân cận như Hòa Khánh, Chu Lai, Điện Ngọc. Vận tải đường bộ vẫn giữ vai trò chủ yếu, cùng với vận tải đường thủy phục vụ nhu cầu lưu thông hàng hóa qua hệ thống cảng biển của thành phố.

Trong tháng 8/2026, vận tải hàng hóa tiếp tục tăng so với cùng kỳ, khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển đều tăng. Hoạt động vận tải đường bộ được duy

trì trên các tuyến kết nối quan trọng, trong đó có Hành lang kinh tế Đông - Tây (EWEC) và cao tốc La Sơn - Túy Loan; vận tải đường thủy tiếp tục gắn với hoạt động khai thác Cảng Tiên Sa. Tính chung 8 tháng năm 2026, vận tải hàng hóa duy trì mức tăng trưởng khá so với cùng kỳ năm trước, đáp ứng nhu cầu vận chuyển phục vụ sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu. Vận tải đường bộ tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ yếu, trong khi vận tải đường thủy duy trì hoạt động gắn với hệ thống cảng biển. Việc đầu tư, nâng cấp phương tiện và ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành vận tải cũng được các doanh nghiệp quan tâm, góp phần nâng cao hiệu quả khai thác.

Doanh thu vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy tháng 8/2026 ước đạt 1.437 tỷ đồng, tăng 0,8% so với tháng trước và tăng 48,9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung từ đầu năm đến cuối tháng 8/2026, doanh thu vận tải hàng hóa đạt 10.280 tỷ đồng, tăng 31,4% so với cùng kỳ năm trước.

Khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ và đường thủy trong tháng 8/2026 ước đạt 8,2 triệu tấn, tăng 1,5% so với tháng trước và tăng 46,5% so với cùng kỳ năm trước. Khối lượng hàng hóa luân chuyển đạt 978,1 triệu tấn.km, tăng 2,3% so với tháng trước và tăng 45,5% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung từ đầu năm đến cuối tháng 8/2026, vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy ước đạt 60,2 triệu tấn, tăng 29,4% so với cùng kỳ; khối lượng hàng hóa luân chuyển đạt 7.048,5 triệu tấn.km, tăng 26,1% so với cùng kỳ năm trước.

c) Dịch vụ hỗ trợ vận tải; hoạt động bưu chính và chuyển phát

Hoạt động kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải, bưu chính và chuyển phát trên địa bàn thành phố tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực, được hỗ trợ bởi sự phát triển của hệ thống logistics, năng lực khai thác cảng biển và xu hướng gia tăng thương mại điện tử. Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, tự động hóa trong phân loại, lưu trữ và giao nhận hàng hóa đang góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Trong tháng 8/2026, hoạt động kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, gắn với nhu cầu lưu thông, vận chuyển hàng hóa và hoạt động logistics trên địa bàn. Hoạt động bưu chính và chuyển phát duy trì tốc độ tăng trưởng tích cực nhờ nhu cầu giao nhận hàng hóa từ thương mại điện tử, cùng với việc các doanh nghiệp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong khai thác và phân loại đơn hàng. Tính chung 8 tháng năm 2026, hoạt động kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải, bưu chính và chuyển phát duy trì đà tăng trưởng, cho thấy nhu cầu vận chuyển, lưu kho và giao nhận hàng hóa tiếp tục được cải thiện. Sự phát triển của hạ tầng logistics, trong đó có định hướng đầu tư và hoàn thiện Cảng Liên Chiểu, cùng quá trình chuyển đổi số và phát triển logistics xanh được kỳ vọng tiếp tục tạo động lực cho nhóm ngành này trong những tháng cuối năm.

Trong tháng 8/2026, doanh thu từ hoạt động kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải, bưu chính và chuyển phát trên địa bàn thành phố ước đạt 2.071 tỷ đồng, tăng 6,8% so với tháng trước và tăng 34,1% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế từ đầu năm đến cuối tháng 8/2026, doanh thu hoạt động này đạt 14.456 tỷ đồng, tăng 18,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

Hoạt động kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải chiếm tỷ trọng chủ yếu, với doanh thu tháng 8/2026 đạt 1.939 tỷ đồng, tăng 7,2% so với tháng trước và tăng 34,0% so

với cùng kỳ năm trước. Tính chung từ đầu năm đến cuối tháng 8/2026, doanh thu đạt 13.386 tỷ đồng, tăng 17,4% so với cùng kỳ năm trước.

Hoạt động bưu chính và chuyển phát trong tháng 8/2026 đạt doanh thu 132 tỷ đồng, tăng 1,5% so với tháng trước và tăng 35,2% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế từ đầu năm đến cuối tháng 8/2026, doanh thu đạt 1.069 tỷ đồng, tăng 34,7% so với cùng kỳ năm trước.

4. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Trong tháng 8/2026, các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn thành phố tập trung vào kết nối cộng đồng doanh nghiệp và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp. Ngày hội Kết nối Doanh nghiệp Đà Nẵng lần thứ II và Ngày hội Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo SURF 2026 đã tạo điều kiện để doanh nghiệp, dự án khởi nghiệp, nhà đầu tư và các tổ chức hỗ trợ gặp gỡ, trao đổi kinh nghiệm, giới thiệu sản phẩm và tìm kiếm cơ hội hợp tác. Các hoạt động này góp phần hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn lực, mở rộng quan hệ kinh doanh và nâng cao khả năng thích ứng với thị trường.

Theo số liệu cập nhật trong tháng 8 (tính từ ngày 21/7 đến 20/8/2026), toàn thành phố có 541 doanh nghiệp, chi nhánh và đơn vị trực thuộc thành lập mới, giảm 36,4% so với cùng kỳ năm trước, với tổng vốn đăng ký đạt hơn 2,4 nghìn tỷ đồng (-40,4%). Mặc dù kết quả riêng tháng 8 giảm, số liệu lũy kế 8 tháng năm 2026 vẫn ghi nhận sự mở rộng về số lượng đơn vị thành lập mới và đặc biệt là quy mô vốn đăng ký. Toàn thành phố có 4.978 doanh nghiệp, chi nhánh và đơn vị trực thuộc thành lập mới, tăng 15,6% so với cùng kỳ năm 2025; tổng vốn đăng ký đạt 26,8 nghìn tỷ đồng (+46,2%).

Riêng khu vực doanh nghiệp (không bao gồm chi nhánh và đơn vị trực thuộc), tính từ đầu năm đến ngày 20/8/2026, thành phố có 4.352 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 11,0% so với cùng kỳ năm trước; tổng vốn đăng ký đạt hơn 26,8 nghìn tỷ đồng (+46,2%). Bình quân mỗi tháng có 544 doanh nghiệp thành lập mới, cao hơn mức gần 490 doanh nghiệp/tháng của cùng kỳ năm 2025. Vốn đăng ký bình quân đạt khoảng 6,2 tỷ đồng/doanh nghiệp, trong khi cùng kỳ năm trước đạt khoảng 4,7 tỷ đồng/doanh nghiệp. Kết quả này cho thấy doanh nghiệp thành lập mới tiếp tục duy trì mức tăng, đồng thời quy mô vốn đăng ký của doanh nghiệp được cải thiện.

Bên cạnh số doanh nghiệp thành lập mới, lũy kế 8 tháng năm 2026 có 1.574 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 4,2% so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, tổng số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường đạt 5.926 doanh nghiệp, tăng 9,1%. Như vậy, hoạt động gia nhập thị trường của doanh nghiệp tiếp tục duy trì xu hướng tích cực, đồng thời một bộ phận doanh nghiệp đã từng bước khôi phục sản xuất, kinh doanh sau thời gian tạm ngừng. Sự gia tăng số doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động góp phần bổ sung lực lượng doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn, phản ánh khả năng phục hồi và thích ứng của khu vực doanh nghiệp trước những biến động của thị trường.

Tuy nhiên, số doanh nghiệp tạm ngừng và giải thể vẫn ở mức cao. Tính chung 8 tháng năm 2026, có 5.270 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, tăng 5,8% và 1.646 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 164,6% so với cùng kỳ năm trước. Tổng số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là 6.916 doanh nghiệp, cao hơn 990 doanh

nghiệp so với số gia nhập và tái gia nhập thị trường. Điều này cho thấy số doanh nghiệp được bổ sung và khôi phục hoạt động chưa bù đắp được số tạm ngừng và giải thể. Trong đó, doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động chiếm phần lớn và vẫn có khả năng quay trở lại thị trường; trong khi số doanh nghiệp giải thể tăng cao cho thấy hoạt động sản xuất, kinh doanh của một số bộ phận doanh nghiệp còn gặp khó khăn và quá trình sàng lọc trên thị trường tiếp tục diễn ra.

Nhìn chung, tình hình đăng ký doanh nghiệp trong 8 tháng năm 2026 ghi nhận kết quả tích cực về số doanh nghiệp thành lập mới, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động và quy mô vốn đăng ký. Tuy nhiên, số doanh nghiệp tạm ngừng và giải thể còn cao, cho thấy khả năng duy trì hoạt động của doanh nghiệp chưa thật sự ổn định. Trong thời gian tới, cần tiếp tục phát huy hiệu quả của các hoạt động kết nối, xúc tiến thương mại và hỗ trợ khởi nghiệp; đồng thời tăng cường tháo gỡ khó khăn về vốn, thị trường, mặt bằng và nguồn nhân lực, tạo điều kiện để doanh nghiệp ổn định và mở rộng sản xuất, kinh doanh.

5.1. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

Trong tháng 8/2026, mặt bằng giá hàng hóa và dịch vụ trên địa bàn thành phố có xu hướng tăng. Các yếu tố chủ yếu tác động làm CPI tăng gồm giá nhà ở cho thuê, ăn uống ngoài gia đình, gas, xăng và dầu, trong đó nhu cầu thuê trọ của sinh viên tăng vào đầu năm học mới, chi phí đầu vào của dịch vụ ăn uống tăng và giá nhiên liệu biến động tăng. Theo đó, CPI tháng 8/2026 tăng 0,67% so với tháng trước, tăng 5,40% so với cùng kỳ năm trước và tăng 3,65% so với tháng 12/2025; tăng 8,91% so với kỳ gốc năm 2024. Bình quân 8 tháng năm 2026, CPI tăng 4,84% so với bình quân cùng kỳ năm 2025.

Trong mức tăng 0,67% của CPI tháng 08 năm 2026 so với tháng trước, có 07 nhóm hàng hóa và dịch vụ tăng, 03 nhóm hàng hóa và dịch vụ giảm so với tháng trước.

(1) 07 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, gồm:

- Nhóm giao thông tăng 4,35% so với tháng trước. Chỉ số giá nhóm giao thông tháng 8/2026 tăng 4,35% so với tháng trước, tác động làm CPI chung tăng 0,42 điểm phần trăm. Mức tăng chủ yếu do giá nhiên liệu tăng theo các đợt điều chỉnh giá xăng dầu ngày 6/8, 13/8 và 20/8/2026, cụ thể: chỉ số giá xăng tăng 9,53%, giá dầu diesel tăng 22,15%. Ở chiều ngược lại, một số mặt hàng và dịch vụ trong nhóm giao thông có giá giảm. Chỉ số giá phương tiện đi lại giảm 0,33% do một số loại phương tiện được áp dụng các chương trình khuyến mãi, giảm giá nhằm kích cầu tiêu dùng tại các điểm kinh doanh. Chỉ số giá phụ tùng phương tiện đi lại giảm 0,48%. Chỉ số giá dịch vụ giao thông công cộng giảm 0,37%, trong đó giá vận tải hành khách bằng đường sắt giảm 9,86%, đường hàng không giảm 0,81% so với tháng trước. Bên cạnh đó, chỉ số giá dịch vụ bưu chính giảm 0,08%.

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD tăng 0,90% so với tháng trước, tác động làm CPI chung tăng 0,21 điểm phần trăm. Mức tăng chủ yếu do giá thuê nhà tăng 0,53% do nhu cầu thuê nhà tăng và giá bất động sản trên thị trường có xu hướng tăng; giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,61% do giá cát và một số loại vật liệu xây dựng tăng trong bối cảnh nguồn cung khan hiếm hơn so với tháng trước. Giá gas tăng 11,39% do từ ngày 01/8/2026, giá gas được điều chỉnh theo xu hướng tăng của giá gas trên thị trường. Bên

cạnh đó, giá dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 1,24% và giá dịch vụ liên quan đến điện sinh hoạt tăng 0,42% so với tháng trước.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,90% so với tháng trước, tác động làm CPI chung tăng 0,02 điểm phần trăm. Trong đó, giá nước khoáng tăng 3,23%; nước giải khát có ga tăng 2,11%; nước quả ép tăng 0,96%; nước uống tăng lực đóng chai tăng 0,55%; rượu các loại tăng 0,69%; bia các loại tăng 0,89% và thuốc hút tăng 0,23%. Giá các mặt hàng đồ uống và thuốc lá tăng chủ yếu do chi phí nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất và các chi phí liên quan có xu hướng tăng.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,26% so với tháng trước, tác động làm CPI chung tăng 0,01 điểm phần trăm. Mức tăng chủ yếu tập trung ở một số mặt hàng thiết bị, đồ dùng và dịch vụ phục vụ sinh hoạt gia đình. Cụ thể, giá máy điều hòa nhiệt độ tăng 2,47%; tủ lạnh tăng 0,94%; thiết bị điện khác tăng 0,42%; đồ điện tăng 0,16%; đồ dùng nấu ăn tăng 1,87%; đồng hồ treo tường, để bàn và gương các loại tăng 0,23%; đồ nhựa và cao su tăng 0,64%; hàng dệt trong gia đình tăng 0,98% và vật phẩm tiêu dùng khác tăng 0,65%. Bên cạnh đó, giá dịch vụ sửa chữa thiết bị gia đình tăng 0,32% (giá dịch vụ sửa chữa tủ lạnh tăng); giá dịch vụ thuê người phục vụ gia đình tăng 1,45%. Giá các mặt hàng và dịch vụ trong nhóm tăng chủ yếu do chi phí nguyên vật liệu, nhân công và các chi phí đầu vào phục vụ sản xuất, sửa chữa và cung ứng dịch vụ tăng.

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,22% so với tháng trước. Mức tăng chủ yếu do giá một số mặt hàng và dịch vụ trong nhóm tăng, cụ thể: dụng cụ cá nhân không dùng điện tăng 0,65%; túi xách, vali, ví tăng 4,27%; đồ trang sức tăng 0,96%, chủ yếu do giá vàng trên thị trường tư nhân trong nước tăng; dịch vụ phục vụ cá nhân tăng 0,75% và dịch vụ hiếu, hỉ tăng 0,41%, chủ yếu do chi phí nhân công và các chi phí đầu vào cung ứng dịch vụ tăng.

- Nhóm thông tin và truyền thông tăng 0,20% so với tháng trước, tác động làm CPI chung tăng 0,01 điểm phần trăm. Mức tăng chủ yếu do giá một số mặt hàng thiết bị thông tin, truyền thông và dịch vụ liên quan tăng. Cụ thể, giá máy điện thoại di động thông thường tăng 1,75%; máy điện thoại di động thông minh và máy tính bảng tăng 0,03%; máy vi tính và phụ kiện tăng 0,85%; tivi màu tăng 0,57%. Bên cạnh đó, giá dịch vụ sửa chữa điện thoại tăng 1,56% so với tháng trước.

- Thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,05% so với tháng trước. Mức tăng chủ yếu do giá một số nhóm thuốc có xu hướng tăng, trong đó thuốc chống nhiễm khuẩn và điều trị ký sinh trùng tăng 0,06%; thuốc tim mạch tăng 0,25%; thuốc chống dị ứng tăng 0,19%; thuốc giảm đau tăng 0,12%; vitamin và khoáng chất tăng 1,01%; thuốc đường tiêu hóa tăng 0,45%. Giá các mặt hàng thuốc tăng chủ yếu do chi phí đầu vào và chi phí sản xuất, kinh doanh có xu hướng tăng.

(2) 03 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm, gồm:

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,01% so với tháng trước. Trong đó: lương thực tăng 0,24%¹; nhóm thực phẩm giảm 0,41%²; nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 0,54%³.

- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép giảm 0,01% so với tháng trước. Mức giảm chủ yếu do một số mặt hàng được áp dụng chương trình khuyến mãi, như quần áo nam giảm 0,63%, giày vải, giày thể thao người lớn giảm 0,17%; bên cạnh đó, giá dịch vụ may mặc giảm 0,13% nhằm thu hút khách hàng, phù hợp với xu hướng người tiêu dùng ưu tiên mua quần áo may sẵn.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,11% so với tháng trước. Mức giảm chủ yếu do giá nhạc cụ giảm 0,22%, thiết bị thể dục, thể thao giảm 1,97% do áp dụng chương trình khuyến mãi và hoa, cây cảnh, vật cảnh giảm 1,74% do nhu cầu tiêu dùng giảm. Bên cạnh đó, giá dịch vụ lưu trú tại một số khách sạn giảm do các cơ sở triển khai chương trình kích cầu, áp dụng nhiều chính sách ưu đãi, giảm giá nhằm thu hút khách hàng.

(3) Duy nhất nhóm giáo dục có chỉ số giá bình ổn so với tháng trước.

CPI tháng 8 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước tăng 5,40% và tăng ở hầu hết các nhóm hàng hóa và dịch vụ. Nhóm tăng mạnh nhất là nhóm giao thông (+9,88%); tiếp đến là nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD (+8,73%); nhóm hàng hóa và dịch vụ khác (+5,46%); nhóm đồ uống và thuốc lá (+4,97%); giáo dục (+4,37%); nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+4,31%); các nhóm còn lại có mức tăng dưới 3%.

CPI bình quân 8 tháng năm 2026 tăng 4,84% so với bình quân cùng kỳ năm 2025. Trong đó, 10/11 nhóm hàng có chỉ số giá tăng: nhóm tăng mạnh nhất là nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD (+8,80%); giao thông (+6,64%); giáo dục (+4,47%); hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+4,46%); hàng hóa và dịch vụ khác (+4,13%); đồ uống và thuốc lá (+3,65%); văn hóa, giải trí và du lịch (+3,09%); thiết bị và đồ dùng gia đình (+2,10%); may mặc, mũ nón, giày dép (+1,66%); thuốc và dịch vụ y tế (+0,88%). Riêng nhóm thông tin truyền thông có CPI giảm 0,14% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

5.2. Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

- **Chỉ số giá vàng:** Chỉ số giá vàng tháng 8/2026 tăng 1,13% so với tháng trước; tăng 20,66% so với cùng kỳ năm trước; giảm 4,31% so với tháng 12/2025. Bình quân 8 tháng năm 2026, chỉ số giá vàng tăng 49,19% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

- **Chỉ số giá đô la Mỹ:** Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 8/2026 giảm 0,34% so với tháng trước; giảm 0,18% so với cùng kỳ năm trước; giảm 0,11% so với tháng

¹ Chỉ số giá nhóm lương thực tháng 8/2026 tăng 0,24% so với tháng trước, trong đó giá gạo tăng 0,34% (gạo tẻ thường tăng 0,57%, gạo lứt tẻ tăng 1,52%) do nguồn cung giảm nhẹ. Lương thực chế biến tăng 0,23%, chủ yếu do chi phí sản xuất một số mặt hàng tăng.

² Chỉ số giá nhóm thực phẩm tháng 8/2026 giảm 0,41% so với tháng trước, chủ yếu do giá thịt gia súc giảm 0,99%, thịt gia cầm giảm 0,25%, thủy sản tươi sống giảm 0,44%, rau tươi, khô và chế biến giảm 0,81%, quả tươi, chế biến giảm 0,72% do nguồn cung dồi dào, nhiều mặt hàng vào vụ và thời tiết thuận lợi. Ở chiều ngược lại, giá trứng tăng 1,30%, dầu mỡ ăn và chất béo tăng 0,30%, nước mắm, nước chấm tăng 0,22% do nguồn cung và chi phí đầu vào tăng.

³ Chỉ số giá nhóm ăn uống ngoài gia đình tháng 8/2026 tăng 0,54% so với tháng trước, tác động làm CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm, chủ yếu do chi phí nguyên liệu đầu vào tăng; trong đó giá ăn ngoài gia đình tăng 0,61% và giá uống ngoài gia đình tăng 0,70%.

12/2025. Bình quân 8 tháng năm 2026, chỉ số giá đô la Mỹ tăng 1,45% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

6. Hoạt động ngân hàng

Trong 8 tháng năm 2026, hoạt động ngân hàng trên địa bàn thành phố tiếp tục duy trì ổn định, đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư của nền kinh tế. Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay cơ bản ổn định; nguồn vốn huy động và dư nợ tín dụng đều tăng so với cuối năm 2025. Tín dụng tiếp tục được định hướng vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng, đồng thời kiểm soát chặt chẽ đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, góp phần bảo đảm hoạt động ngân hàng an toàn, hiệu quả và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế - xã hội trên địa bàn.

6.1. Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay

Trong tháng 8 năm 2026, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay trên địa bàn nhìn chung ổn định, tiếp tục được kiểm soát phù hợp với định hướng điều hành của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam.

Lãi suất huy động: các tổ chức tín dụng (TCTD) trên địa bàn thành phố thực hiện nghiêm quy định của NHNN về lãi suất, niêm yết công khai tại các điểm giao dịch. Lãi suất huy động đối với tiền gửi các kỳ hạn dưới 06 tháng ở mức 2,1% - 4,75%/năm. Lãi suất huy động đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng phổ biến ở mức 3,5% - 8,4%/năm; từ trên 12 tháng phổ biến ở mức 5,9% - 8,5%/năm.

Lãi suất cho vay: tuân thủ định hướng điều hành lãi suất của NHNN Việt Nam, các TCTD tiết giảm chi phí hoạt động để giảm mặt bằng lãi suất cho vay. Lãi suất cho vay ngắn hạn bình quân ở mức 5,7% - 11,7%/năm, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa VND đối với các lĩnh vực ưu tiên là 4,0%/năm. Lãi suất cho vay trung dài hạn bình quân ở mức 6,6% - 13,8%/năm.

6.2. Tình hình hoạt động huy động vốn

Đến cuối tháng 8 năm 2026, nguồn vốn huy động trên địa bàn tiếp tục tăng so với cuối năm 2025, góp phần đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư của các thành phần kinh tế. Ước đến cuối tháng 8, tổng nguồn huy động vốn trên địa bàn đạt 411.606 tỷ đồng, tăng 6,9% so với cuối năm 2025.

Xét theo loại tiền tệ, nguồn huy động vốn bằng VND tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ yếu, đạt 398.265 tỷ đồng, chiếm 96,8% tổng nguồn vốn, tăng 6,8% so với cuối năm 2025. Nguồn huy động vốn bằng ngoại tệ (quy đổi VND) đạt 13.341 tỷ đồng, tăng 10,7% so với cuối năm 2025.

Theo hình thức huy động, tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn tiếp tục là kênh huy động chủ đạo với 341.967 tỷ đồng, tăng 9,6% so với cuối năm 2025. Trong khi đó, tiền gửi thanh toán đạt 69.639 tỷ đồng, giảm 4,6% so với cuối năm 2025.

6.3. Hoạt động cho vay trên địa bàn

Đến cuối tháng 8 năm 2026, hoạt động cho vay trên địa bàn tiếp tục có chuyển biến tích cực, dư nợ tín dụng tăng so với cuối năm 2025. Ước đến cuối tháng 8, tổng dư nợ cho vay đối với các thành phần kinh tế đạt 464.791 tỷ đồng, tăng 3,4% so với

cuối năm 2025. Tín dụng tiếp tục đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng và đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Phân theo loại tiền, dư nợ cho vay bằng VND đạt 453.536 tỷ đồng, chiếm 97,6%, tăng 2,4% so với cuối năm 2025. Dư nợ ngoại tệ (quy đổi VNĐ) đạt 11.255 tỷ đồng, chiếm 2,4%, tăng 70,3%, mặc dù chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng dư nợ nhưng có mức tăng cao so với cuối năm 2025.

Phân theo kỳ hạn, dư nợ ngắn hạn đạt 225.851 tỷ đồng, chiếm 48,6% tổng dư nợ, tăng 5,4% so với cuối năm 2025; dư nợ trung và dài hạn đạt 238.940 tỷ đồng (chiếm 51,4%), tăng 1,7% so với cuối năm 2025. Dư nợ ngắn hạn có tốc độ tăng cao hơn dư nợ trung và dài hạn, góp phần đáp ứng nhu cầu vốn lưu động và vốn phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế trên địa bàn.

7. Ngân sách nhà nước

Trong 8 tháng năm 2026, hoạt động thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố được triển khai trong bối cảnh kinh tế tiếp tục duy trì đà tăng trưởng. Thu ngân sách nhà nước tăng cao so với cùng kỳ, trong đó các khoản thu liên quan đến nhà, đất và sự cải thiện của hoạt động sản xuất, kinh doanh đóng góp quan trọng vào kết quả thu ngân sách. Công tác điều hành chi ngân sách được thực hiện chặt chẽ, linh hoạt, ưu tiên nguồn lực cho đầu tư phát triển, đồng thời bảo đảm các nhiệm vụ chi thường xuyên, an sinh xã hội và các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn sơ bộ đến ngày 25/08/2026 đạt 63.816,4 tỷ đồng, tăng 77,6% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, thu ngân sách trung ương đạt 13.996,0 tỷ đồng, thu ngân sách địa phương đạt 49.820,4 tỷ đồng.

Trong 8 tháng năm 2026, thu nội địa tiếp tục là nguồn thu chủ yếu, đạt 59.744,4 tỷ đồng, chiếm 93,6% tổng thu và tăng 90,1% so với cùng kỳ năm trước. Thu cân đối từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 3.012,0 tỷ đồng, chiếm 4,7% tổng thu và tăng 15,5%.

Xét theo các khoản thu chủ yếu, khoản thu liên quan đến nhà, đất tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu ngân sách, chiếm gần 39,7% tổng thu và vượt khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh, trở thành nguồn thu có tỷ trọng cao nhất. Thu từ nhà, đất tăng mạnh, bằng 5,2 lần so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do tăng thu tiền sử dụng đất và tiền cho thuê đất, thuê mặt nước. Đây là yếu tố đóng góp đáng kể vào mức tăng thu ngân sách trên địa bàn trong 8 tháng năm 2026, trong bối cảnh tiến độ giao đất, cho thuê đất và triển khai một số dự án quy mô lớn được đẩy nhanh so với cùng kỳ năm trước.

Bên cạnh đó, các khoản thu từ khu vực sản xuất, kinh doanh tiếp tục tăng so với cùng kỳ năm trước. Khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh đạt 17.834,8 tỷ đồng, chiếm 28,0% tổng thu và tăng 64,8% so với cùng kỳ; khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 6.872,8 tỷ đồng, chiếm 10,8%, tăng 33,1%; thu từ doanh nghiệp nhà nước đạt 2.138,1 tỷ đồng, chiếm 3,4%, tăng 27,3%. Kết quả này phản ánh sự cải thiện của hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại và dịch vụ, qua đó tạo nền tảng tích cực cho nguồn thu ngân sách trên địa bàn.

Tuy nhiên, mức tăng cao của thu ngân sách trong 8 tháng năm 2026 có sự đóng góp đáng kể từ các khoản thu liên quan đến nhà đất, là những khoản thu có tính thời điểm, phụ thuộc vào tiến độ thực hiện dự án, giao đất, cho thuê đất và diễn biến của

thị trường bất động sản. Do đó, nguồn thu này có thể biến động qua các thời kỳ và khó duy trì ổn định trong dài hạn.

Nhìn chung, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 8 tháng năm 2026 đạt kết quả tích cực, tạo dư địa thuận lợi cho công tác điều hành ngân sách trong những tháng cuối năm. Thời gian tới, cần tiếp tục tăng cường quản lý, khai thác hiệu quả các nguồn thu; theo dõi sát diễn biến các khoản thu lớn, nhất là thu từ nhà, đất; đồng thời chú trọng nuôi dưỡng và mở rộng các nguồn thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, qua đó nâng cao tính ổn định, bền vững của nguồn thu ngân sách trên địa bàn.

Tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn sơ bộ đến ngày 25/08/2026 đạt 52.597,1 tỷ đồng, tăng 6,4% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, chi ngân sách trung ương đạt 14.840,8 tỷ đồng, chi ngân sách địa phương đạt 37.756,3 tỷ đồng. Công tác điều hành chi ngân sách thời gian qua được thực hiện chặt chẽ, linh hoạt, bám sát khả năng cân đối nguồn lực và yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Trong 8 tháng năm 2026, chi đầu tư phát triển đạt 20.455,5 tỷ đồng, tăng 44,2% so với cùng kỳ năm 2025, cho thấy thành phố tiếp tục tập trung bố trí nguồn lực cho các công trình hạ tầng trọng điểm, các dự án động lực và các lĩnh vực có tính lan tỏa cao, góp phần tạo nền tảng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Bên cạnh đó, chi thường xuyên được kiểm soát chặt chẽ, đạt 32.008,5 tỷ đồng, giảm 9,1% so với cùng kỳ năm trước. Các nhiệm vụ chi thiết yếu về quản lý nhà nước, giáo dục, y tế, an sinh xã hội và các lĩnh vực quan trọng khác được bảo đảm đầy đủ, kịp thời theo dự toán được giao.

Nhìn chung, cân đối ngân sách trong 8 tháng năm 2026 tiếp tục được bảo đảm, với kết quả thu ngân sách tăng cao tạo điều kiện chủ động nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Trong thời gian tới, thành phố tiếp tục tăng cường quản lý thu, điều hành chi ngân sách hiệu quả, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, ưu tiên bố trí nguồn lực cho các công trình, dự án trọng điểm và các chính sách an sinh xã hội, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực công và tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

8. Đầu tư

Hoạt động đầu tư trên địa bàn thành phố trong tháng 8 và 8 tháng năm 2026 tiếp tục ghi nhận những tín hiệu tích cực. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước duy trì đà tăng; nhiều công trình, dự án trọng điểm được tập trung đẩy nhanh tiến độ; công tác thu hút đầu tư trong nước và FDI đạt mức tăng cao về quy mô vốn đăng ký. Kết quả này cho thấy nỗ lực của thành phố trong huy động và phát huy các nguồn lực đầu tư, tạo nền tảng thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội trong những tháng cuối năm.

8.1. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước

Trong tháng, vốn đầu tư thực hiện tiếp tục tăng so với tháng trước, chủ yếu do nhiều dự án chuyển tiếp duy trì tiến độ thi công, phát sinh khối lượng hoàn thành và thực hiện nghiệm thu, thanh toán theo kế hoạch vốn được giao. Một số công trình thuộc các lĩnh vực giao thông, hạ tầng kỹ thuật, y tế, giáo dục, khoa học công nghệ, chuyển đổi số và chỉnh trang đô thị tiếp tục được tập trung triển khai, góp phần nâng giá trị vốn đầu tư thực hiện.

Đáng chú ý, tổng kế hoạch vốn năm 2026 trong tháng 8 được điều chỉnh lên 16.308,8 tỷ đồng, tăng khoảng 153 tỷ đồng so với tháng trước, chủ yếu do bổ sung nguồn vốn ngân sách Trung ương để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng trường học tại khu vực biên giới. Việc bổ sung kế hoạch vốn góp phần tăng thêm nguồn lực đầu tư, tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ triển khai các công trình giáo dục tại khu vực miền núi, biên giới trong những tháng cuối năm.

Dự ước tháng 8/2026 vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý đạt 1.451,2 tỷ đồng, tăng 4,5% so với tháng trước và tăng 0,6% so với cùng kỳ năm 2025. Tính chung 8 tháng năm 2026 ước đạt 9.244,4 tỷ đồng, bằng 56,7% kế hoạch năm và tăng 0,6% so với cùng kỳ năm trước.

Phân theo cấp quản lý, vốn ngân sách cấp tỉnh tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng vốn đầu tư thực hiện. Tháng 8 năm 2026, vốn ngân sách cấp tỉnh ước đạt 1.075,4 tỷ đồng, tăng 4,4% so với tháng trước nhưng chỉ bằng 75,2% so với cùng kỳ. Cộng dồn 8 tháng năm 2026 vốn ngân sách cấp tỉnh đạt 6.816,5 tỷ đồng, bằng 57,2% kế hoạch năm và giảm 24,2% so với cùng kỳ. Trong đó, vốn cân đối ngân sách tỉnh ước thực hiện 4.686,5 tỷ đồng bằng 78,6% cùng kỳ năm 2025; vốn Trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu đạt 1.411,2 tỷ đồng, bằng 64,7%; vốn ODA đạt 312,7 tỷ đồng, tăng 19,9%; vốn xổ số kiến thiết đạt 213,3 tỷ đồng, tăng 8,4%; vốn khác đạt 192,9 tỷ đồng, bằng 49,0% so với cùng kỳ năm 2025.

Vốn ngân sách cấp xã tháng 8 năm 2026 ước thực hiện 375,8 tỷ đồng, tăng 4,7% so với tháng trước và gấp gần 30 lần so với cùng kỳ năm 2025. Lũy kế 8 tháng đạt 2.427,8 tỷ đồng, bằng 55,3% kế hoạch năm và gấp 12,9 lần cùng kỳ năm 2025. Trong đó, vốn cân đối ngân sách cấp xã ước đạt 2.350 tỷ đồng; vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu đạt 64,7 tỷ đồng và vốn khác đạt 13,3 tỷ đồng.

So với cùng kỳ năm trước, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách cấp xã tiếp tục có mức tăng khá. Tuy nhiên, mức tăng này phần lớn chịu tác động bởi sự thay đổi phạm vi tổng hợp số liệu sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính từ ngày 01/7/2025, cùng với việc điều chỉnh, chuyển cấp quản lý và bổ sung các dự án thuộc nguồn vốn ngân sách cấp xã trên địa bàn thành phố. Vì vậy, mức tăng so với cùng kỳ không chỉ phản ánh sự gia tăng về khối lượng đầu tư thực hiện mà còn chịu ảnh hưởng của sự thay đổi về phạm vi và phương pháp tổng hợp số liệu giữa hai kỳ so sánh.

Theo lĩnh vực đầu tư, các dự án giao thông và hạ tầng kỹ thuật tiếp tục được tập trung triển khai, như: hoàn thiện đường ven biển 129 (đường Võ Chí Công); tuyến đường kết nối đường vành đai phía Tây đến cao tốc La Sơn - Túy Loan; các dự án liên kết vùng; dự án chống xói lở và bảo vệ bền vững bờ biển Hội An... Trong lĩnh vực khoa học công nghệ và chuyển đổi số, tiếp tục triển khai Khu Công viên phần mềm số 2 (giai đoạn 1), các dự án phát triển hạ tầng số và hạ tầng điện toán đám mây của thành phố. Lĩnh vực y tế, giáo dục và chỉnh trang đô thị tiếp tục phát sinh khối lượng tại các dự án như: Bệnh viện Phụ sản - Nhi Đà Nẵng; Công viên 29 tháng 3 và các công trình trường học tại khu vực miền núi, biên giới.

Nhìn chung, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý trong tháng 8 năm 2026 tiếp tục duy trì xu hướng tăng so với tháng trước, đưa kết quả thực hiện lũy kế 8 tháng năm 2026 đạt 56,7% kế hoạch năm. Trong những

tháng còn lại của năm, việc đẩy nhanh tiến độ thi công, nghiệm thu và thanh toán khối lượng hoàn thành, đồng thời tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc đối với những dự án còn chậm tiến độ sẽ là những yếu tố quan trọng để nâng cao khả năng thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư năm 2026.

8.2. Thu hút đầu tư trong và ngoài nước

Hoạt động thu hút đầu tư trên địa bàn thành phố trong tháng 8 và 8 tháng năm 2026 ghi nhận mức tăng cao về quy mô vốn đăng ký. Đối với đầu tư trong nước, kết quả tăng chủ yếu đến từ vốn bổ sung của các dự án đang hoạt động, đồng thời vốn đăng ký của các dự án cấp mới cũng tăng khá. Đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài, vốn đăng ký mới chiếm phần lớn tổng vốn thu hút và là động lực chính của mức tăng chung. Kết quả cho thấy dòng vốn đầu tư có xu hướng tập trung vào các dự án quy mô lớn và hoạt động mở rộng dự án hiện hữu.

Đối với đầu tư trong nước, trong tháng 8/2026 (từ ngày 21/7 đến ngày 20/8), tổng vốn đăng ký mới và tăng thêm đạt 68,5 nghìn tỷ đồng, gấp 54,5 lần so với cùng kỳ năm trước. Thành phố cấp mới 8 dự án, tăng 60,0% so với cùng kỳ năm trước, với tổng vốn đăng ký 11,2 nghìn tỷ đồng (+794,9%). Có 3 dự án điều chỉnh vốn, với số vốn bổ sung đạt 57,2 nghìn tỷ đồng; cùng kỳ năm trước không phát sinh dự án điều chỉnh vốn. Bên cạnh đó, có 4 dự án chấm dứt hoạt động, tăng 300,0%, với tổng vốn đăng ký 254 tỷ đồng, tăng 179,3% so với cùng kỳ năm trước. Vốn bổ sung của các dự án đang hoạt động chiếm phần lớn tổng vốn thu hút trong tháng, cho thấy kết quả tăng chủ yếu đến từ việc mở rộng quy mô các dự án hiện hữu; đồng thời, vốn đăng ký mới cũng tăng khá so với nền thấp của cùng kỳ năm trước.

Tính từ đầu năm đến ngày 20/8/2026, tổng vốn đầu tư trong nước đăng ký mới và tăng thêm đạt 187,2 nghìn tỷ đồng, tăng 182,9% so với cùng kỳ năm 2025; trong đó có 66 dự án được cấp mới (-5,7%), nhưng tổng vốn đăng ký đạt hơn 96 nghìn tỷ đồng (+114,8%). Số dự án cấp mới giảm nhẹ trong khi vốn đăng ký tăng mạnh, phản ánh quy mô vốn của các dự án mới được cải thiện so với cùng kỳ năm trước. Thành phố có 28 dự án điều chỉnh vốn (+3,7%), với tổng vốn tăng thêm đạt 91,2 nghìn tỷ đồng (+325,0%) so với cùng kỳ năm 2025. Vốn đăng ký mới và vốn bổ sung cho các dự án đang hoạt động đóng góp tương đối đồng đều vào tổng vốn đầu tư trong nước thu hút từ đầu năm.

Trong 8 tháng năm 2026, có 13 dự án trong nước chấm dứt hoạt động, tăng 160,0% so với cùng kỳ năm trước; tổng vốn đăng ký của các dự án chấm dứt xấp xỉ 1,5 nghìn tỷ đồng, tăng 103,2%. Mặc dù số dự án chấm dứt hoạt động tăng, quy mô vốn của nhóm này chiếm tỷ trọng nhỏ so với tổng vốn đăng ký mới và tăng thêm. Nhìn chung, thu hút đầu tư trong nước tiếp tục đạt kết quả tích cực về quy mô vốn; trong đó, sự gia tăng đồng thời của vốn đăng ký mới và vốn điều chỉnh cho thấy dòng vốn được bổ sung cho cả dự án mới và dự án đang triển khai.

Nguồn vốn FDI thu hút trong tháng tập trung chủ yếu ở các dự án cấp mới. Mặc dù số dự án mới giảm nhẹ, nhưng vốn đăng ký tăng mạnh do phát sinh dự án có

⁴ Tháng 8/2025 (từ ngày 21/7-20/8/2025), thành phố Đà Nẵng thu hút gần 1,3 nghìn tỷ đồng vốn đầu tư trong nước; trong đó, cấp mới 05 dự án với tổng vốn 1,3 nghìn tỷ đồng; không phát sinh lượt dự án điều chỉnh vốn. Tính đến ngày 20/8/2025, thành phố đã thu hút 66,2 nghìn tỷ đồng; trong đó, cấp mới 70 dự án với vốn đăng ký mới đạt 44,7 nghìn tỷ đồng; 27 dự án điều chỉnh vốn với tổng vốn tăng thêm 21,4 nghìn tỷ đồng.

quy mô vốn lớn. Trong tháng 8/2026, tổng vốn thu hút, bao gồm vốn cấp mới, vốn điều chỉnh và góp vốn, mua cổ phần, đạt 279 triệu USD, gấp 24,8 lần so với cùng kỳ năm trước. Thành phố cấp mới 11 dự án, giảm 8,3%, nhưng tổng vốn đăng ký đạt gần 239 triệu USD, gấp 327 lần so với cùng kỳ năm trước. Có 5 dự án điều chỉnh vốn (+150,0%), với giá trị vốn điều chỉnh đạt 41 triệu USD (+480,0%). Hoạt động góp vốn, mua cổ phần phát sinh 6 lượt, giảm 14,3%; giá trị góp vốn ở mức 0,1 triệu USD, giảm 97,0% so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng có 2 dự án chấm dứt hoạt động, giảm 50,0%, với tổng vốn đăng ký 60 triệu USD.

Lũy kế từ đầu năm đến ngày 20/8/2026, tổng vốn FDI thu hút đạt 682 triệu USD, tăng 186,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, thành phố cấp mới 100 dự án với tổng vốn đăng ký 522 triệu USD, tăng 29,9% về số dự án và tăng 258,2% về vốn. Có 38 dự án điều chỉnh vốn, tăng 11,8% so với cùng kỳ năm trước, với tổng giá trị vốn điều chỉnh đạt 142 triệu USD (+99,8%). Hoạt động góp vốn, mua cổ phần ghi nhận 30 lượt, tăng 42,9%, với tổng giá trị gần 17 triệu USD (-18,5%)⁵. Bên cạnh đó, có 14 dự án chấm dứt hoạt động, giảm 39,1%; tổng vốn đăng ký của các dự án chấm dứt hơn 133 triệu USD, tăng 14,9% so với cùng kỳ năm trước.

Nhìn chung, tình hình thu hút đầu tư trên địa bàn thành phố trong 8 tháng năm 2026 đạt kết quả tích cực khi cả vốn đầu tư trong nước và vốn FDI đều tăng cao so với cùng kỳ năm trước. Quy mô vốn của các dự án có sự cải thiện, mặc dù số lượng dự án ở một số nhóm chưa tăng tương ứng. Thời gian tới, thành phố cần tiếp tục tháo gỡ vướng mắc về thủ tục, tăng cường theo dõi tiến độ thực hiện và giải ngân đối với các dự án đã được cấp phép. Đồng thời, các hoạt động xúc tiến đầu tư cần được triển khai có trọng tâm theo lĩnh vực, đối tác và thị trường, qua đó sớm chuyển nguồn vốn đăng ký thành nguồn lực thực tế phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

8.3. Tình hình triển khai một số công trình trọng điểm

Dự án Chống xói lở và bảo vệ bền vững bờ biển Hội An có tổng mức đầu tư 982 tỷ đồng (tương đương 42 triệu euro). Dự án được khởi công xây dựng tháng 03/2025 bao gồm 2 hợp phần. Trong đó, hợp phần 1 tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; phạm vi xây dựng công trình từ cửa sông đoạn cầu tàu đi Cù Lao Chàm dọc về hướng Bắc đến biên phía Bắc của Khách sạn Victoria dài khoảng 3,393 km. Năm 2026, dự án được phân bổ 484 tỷ đồng trong đó: 64 tỷ đồng từ nguồn ngân sách tỉnh, còn lại 420 tỷ đồng từ nguồn vốn nước ngoài (ODA). Tính chung khối lượng thực hiện dự án từ khi khởi công đến cuối tháng 8/2026 ước đạt 857,4 tỷ đồng bằng 87,3% tổng mức đầu tư, trong đó giá trị thực hiện từ đầu năm đến tháng 8/2026 ước đạt 360 tỷ đồng bằng 74,3% kế hoạch năm.

Dự án hoàn thiện đường ven biển 129 (đường Võ Chí Công) với tổng mức đầu tư hơn 2.056 tỷ đồng (ngân sách Trung ương 1.558 tỷ đồng; ngân sách địa phương hơn 498,7 tỷ đồng). Mục tiêu của dự án nhằm hoàn thiện hạ tầng giao thông ven biển, kết nối liên vùng giữa Đà Nẵng - Hội An - Chu Lai - Quảng Ngãi; tăng cường năng lực vận tải, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội khu vực ven biển miền Trung; góp phần thúc đẩy du lịch, thu

⁵ Trong tháng 8/2025 (từ ngày 21/7-20/8/2025), thành phố thu hút được 11,3 triệu USD vốn FDI; trong đó, 12 dự án cấp mới với tổng vốn đạt 0,7 triệu USD; có 02 dự án điều chỉnh vốn với tổng vốn tăng 07 triệu USD; phát sinh 07 lượt góp vốn mua cổ phần với giá trị 3,5 triệu USD. Lũy kế từ đầu năm đến ngày 20/8/2025, Đà Nẵng thu hút gần 238 triệu USD; cụ thể, 77 dự án cấp mới với vốn cấp mới đạt 145,8 triệu USD; 34 dự án điều chỉnh vốn với tổng vốn tăng thêm 71,3 triệu USD; 21 lượt góp vốn, mua cổ phần và phần vốn góp trong tổ chức kinh tế giá trị gần 21 triệu USD.

hút đầu tư, đảm bảo quốc phòng - an ninh khu vực ven biển. Năm 2026, dự án được phân bổ kế hoạch vốn 488,46 tỷ đồng trong đó: 38,46 tỷ đồng từ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ theo mục tiêu, còn lại 450 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách tỉnh. Dự ước từ khi khởi công đến cuối tháng 8/2026 giá trị thực hiện 1.122,6 tỷ đồng bằng 54,6% tổng vốn đầu tư, trong đó giá trị thực hiện từ đầu năm đến cuối tháng 8/2026 ước đạt 181,7 tỷ đồng bằng 37,2% kế hoạch.

Dự án Nâng cấp, cải tạo Công viên 29 tháng 3 đã được Thành ủy, HĐND và UBND thành phố quyết định chủ trương đầu tư với tổng kinh phí gần 673 tỷ đồng do Ban quản lý Đầu tư xây dựng hạ tầng làm chủ đầu tư. Trong đó chi phí xây dựng, thiết bị và chi phí khác là 330 tỷ đồng; chi phí đền bù là 297 tỷ đồng và chi phí dự phòng là 46 tỷ đồng. Dự ước từ khi khởi công đến cuối tháng 8/2026 giá trị thực hiện đạt 645,5 tỷ đồng bằng 95,9% tổng mức đầu tư, trong đó giá trị thực hiện tính từ đầu năm đến cuối tháng 08 năm 2026 đạt 153,5 tỷ đồng bằng 84,8% vốn kế hoạch giao.

Dự án trường học tại các xã biên giới với tổng số vốn đầu tư 1.798,6 tỷ đồng, kế hoạch được giao năm 2026 là 1.689 tỷ đồng. Nguồn vốn này được phân bổ để thực hiện một số dự án cụ thể như: Trường Phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học - Trung học cơ sở A Vương (330,2 tỷ đồng); Trường Phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học - Trung học cơ sở Hùng Sơn (284,7 tỷ đồng); Trường Phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học - Trung học cơ sở Tây Giang (271,7 tỷ đồng); Trường Phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học - Trung học cơ sở Đắc Pring (277,9 tỷ đồng); Trường Phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học - Trung học cơ sở La Dêê (281,7 tỷ đồng); Trường Phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học - Trung học cơ sở La Êê (242,9 tỷ đồng). Các dự án được giao dự kiến hoàn thành trong năm 2027. Dự ước giá trị thực hiện từ khi khởi công đến cuối tháng 8/2026 ước đạt 1.226,7 tỷ đồng, bằng 68,2% tổng mức đầu tư và bằng 72,6% vốn kế hoạch giao trong năm.

9. Xuất, nhập khẩu hàng hóa

Trong tháng 8/2026, hoạt động xúc tiến thương mại và hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường được đẩy mạnh thông qua Hội chợ Quốc tế Thương mại, Du lịch và Đầu tư Hành lang kinh tế Đông - Tây - Đà Nẵng 2026, Diễn đàn Logistics Quốc tế Đà Nẵng 2026 và Hội thảo “Đà Nẵng - Trung tâm xuất khẩu trực tuyến khu vực miền Trung”. Các hoạt động trên tạo thêm kênh quảng bá sản phẩm, kết nối giao thương, tiếp cận nền tảng thương mại điện tử và liên kết chuỗi cung ứng. Cùng với đó, hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa tiếp tục tăng; xuất khẩu tăng cao hơn nhập khẩu và cán cân thương mại duy trì trạng thái xuất siêu.

Trong tháng 8/2026, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt hơn 904 triệu USD, tăng 1,8% so với tháng trước và tăng 8,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 503,5 triệu USD (+1,0%; +12,7%); kim ngạch nhập khẩu đạt 400,6 triệu USD (+2,7%; +4,6%). Cán cân thương mại hàng hóa tháng 8 ước xuất siêu 102,8 triệu USD, thấp hơn mức 108,0 triệu USD của tháng 7 nhưng cao hơn đáng kể so với mức 63,8 triệu USD của cùng kỳ năm 2025.

Tính chung 8 tháng năm 2026, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 6,6 tỷ USD, tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 3,4 tỷ USD, tăng 12,6%; kim ngạch nhập khẩu đạt 3,2 tỷ USD, tăng 10,3%. Cả hai chiều thương mại đều duy trì mức tăng hai con số, song xuất khẩu tăng nhanh hơn nhập khẩu,

qua đó đưa mức xuất siêu của thành phố lên 217,9 triệu USD, cao hơn mức 134,5 triệu USD của cùng kỳ năm trước.

So với mức xuất siêu 115,1 triệu USD sau 7 tháng, thặng dư thương mại tiếp tục được mở rộng nhờ tháng 8 đóng góp thêm 102,8 triệu USD. Kết quả này cho thấy tốc độ tăng của xuất khẩu đủ bù đắp sự gia tăng của nhập khẩu, đồng thời góp phần cải thiện cán cân thương mại. Việc duy trì xuất siêu trong bối cảnh cả xuất khẩu và nhập khẩu cùng tăng phản ánh hoạt động thương mại hàng hóa tiếp tục phát triển tích cực.

Nhìn chung, hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa trong 8 tháng năm 2026 duy trì kết quả tích cực, với tổng kim ngạch, xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu tăng cao hơn nhập khẩu, giúp cán cân thương mại tiếp tục thặng dư và mức xuất siêu được mở rộng. Trong những tháng cuối năm, cần tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp khai thác thị trường, tận dụng các hiệp định thương mại tự do, đẩy mạnh xuất khẩu trực tuyến và nâng cao hiệu quả kết nối logistics; đồng thời theo dõi biến động nhu cầu, chi phí vận chuyển và các yêu cầu kỹ thuật tại thị trường nhập khẩu để duy trì đà tăng của hoạt động thương mại hàng hóa.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

Trong tháng 8/2026, các hoạt động kết nối cung - cầu lao động, hỗ trợ giải quyết việc làm và thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp được triển khai đồng bộ. Đồng thời, công tác người có công, đền ơn đáp nghĩa và bảo trợ xã hội tiếp tục được quan tâm thực hiện, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao đời sống các đối tượng chính sách.

1. Lao động và giải quyết việc làm

Trong tháng 8/2026, tổ chức 28 phiên giao dịch việc làm, với 102 doanh nghiệp đăng ký, tham gia tuyển dụng; giới thiệu việc làm cho 1.220 người, trong đó 241 người được giới thiệu việc làm thành công. Thành phố đã thẩm định, ban hành quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp hằng tháng cho 4.149 trường hợp, với tổng số tiền chi trả 99,9 tỷ đồng.

Thành phố triển khai Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động, thu hút lao động trong và ngoài nước, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2026 - 2030; tổ chức Ngày hội Việc làm năm 2026 tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng. Đồng thời, triển khai các nội dung thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố năm 2026.

Trong tháng, đã đưa 99 người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; cấp 267 giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài và 09 giấy xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

Tiếp nhận đăng ký khai báo 483 thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động của 16 doanh nghiệp; tổ chức 01 lớp tập huấn công tác an toàn, vệ sinh lao động cho cán bộ xã, phường làm công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực này. Ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 03 doanh nghiệp vi phạm trong lĩnh vực lao động nước ngoài và an toàn, vệ sinh lao động, với tổng số tiền xử phạt 109,5 triệu đồng.

Tiếp nhận, thẩm định, tổng hợp hồ sơ tuyển chọn hòa giải viên lao động của UBND các xã, phường, đặc khu, báo cáo UBND thành phố theo quy định. Trong tháng 8/2026, tiếp nhận, thẩm định nội quy lao động của 85 lượt doanh nghiệp; tiếp nhận thỏa ước lao

động tập thể của 51 doanh nghiệp; tiếp nhận thông báo làm thêm giờ từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm của 41 doanh nghiệp.

2. Thực hiện chính sách Đền ơn đáp nghĩa và bảo trợ xã hội

Công tác người có công và thực hiện chính sách ưu đãi người có công tiếp tục được triển khai kịp thời, đúng quy định. Nghị quyết số 85/2026/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 về sửa đổi, bổ sung chính sách hỗ trợ tiền ăn đối với người có công với cách mạng và thân nhân đang được chăm sóc, phụng dưỡng tại Trung tâm Phụng dưỡng người có công cách mạng thành phố được ban hành; tham mưu ban hành các văn bản về kết quả phát động phong trào, tổ chức hoạt động Đền ơn đáp nghĩa nhân dịp kỷ niệm 79 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ và điều chỉnh danh sách đối tượng được hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát.

Trong tháng, tiếp nhận và giải quyết 1.211 hồ sơ về chế độ, chính sách đối với người có công; thực hiện điều dưỡng, điều chỉnh điều dưỡng đối với người có công và thân nhân liệt sĩ tại 27 xã, phường; điều chỉnh chế độ phụ cấp khu vực đối với 264 trường hợp; cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình cho 18 trường hợp, với tổng kinh phí 37,05 triệu đồng.

Trung tâm Phụng dưỡng người có công cách mạng hiện đang nuôi dưỡng thường xuyên 86 người có công; đồng thời phối hợp với các xã, phường tổ chức 03 đợt điều dưỡng tập trung, phục vụ 327 lượt người có công và thân nhân, bảo đảm đầy đủ cơ sở vật chất và các điều kiện phục vụ.

3. Giáo dục và Đào tạo

Trong tháng 8/2026, ngành Giáo dục và Đào tạo tập trung tổng kết năm học 2025-2026, chuẩn bị các điều kiện cho năm học 2026-2027; tổng hợp, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo kết quả xét công nhận tốt nghiệp THPT năm 2026 và danh sách thí sinh được công nhận tốt nghiệp, đồng thời đề nghị cấp phôi bằng tốt nghiệp THPT năm 2026.

Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm học 2026-2027 và các chủ trương của Trung ương về phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố; ban hành hướng dẫn khai giảng và hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục năm học 2026-2027 đối với các cấp học. Tổ chức Hội nghị tổng kết năm học 2025-2026, triển khai phương hướng, nhiệm vụ năm học 2026-2027; tổ chức bồi dưỡng chính trị, pháp luật hệ cho đội ngũ cán bộ, giáo viên toàn ngành.

Triển khai thực hiện công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026 - 2030. Tại kỳ họp thứ 4, HĐND thành phố thông qua Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 về bố trí kinh phí cung cấp sách giáo khoa dùng chung cho học sinh, học viên trên địa bàn thành phố năm học 2026-2027, góp phần hỗ trợ học sinh, học viên có hoàn cảnh khó khăn và bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục.

Phối hợp triển khai các cuộc thi, hội thi về khoa học, công nghệ và tin học dành cho học sinh; tổ chức xét tuyển viên chức giáo viên bổ sung đội ngũ cho 06 trường phổ thông nội trú liên cấp tại các xã biên giới và tuyển dụng giáo viên cho các trường THPT chuyên. Đồng thời, phối hợp triển khai phương án sắp xếp hệ thống trường công lập; tiếp tục hỗ trợ các địa phương chuẩn bị các điều kiện đưa các trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học - trung học cơ sở tại các xã biên giới vào hoạt động.

Tổ chức chấm điểm, bình xét thi đua năm học 2025-2026; tiếp nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng và hồ sơ xét tặng Giải thưởng “Nhà giáo Đà Nẵng tiêu biểu” năm 2026; tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý và nhà giáo.

4. Hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng đồng và tăng cường y tế dự phòng được triển khai tích cực góp phần mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của người dân với nhiều giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý sức khỏe toàn dân như: các chương trình khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho các nhóm đối tượng ưu tiên tiếp tục được triển khai, góp phần phát hiện sớm bệnh tật, nâng cao chất lượng dân số và cải thiện sức khỏe cộng đồng.

4.1. Công tác khám, chữa bệnh

Trong tháng, các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố thực hiện 613,8 nghìn lượt khám bệnh, trong đó khám chữa bệnh bảo hiểm y tế đạt 510,6 nghìn lượt, chiếm 83,2% tổng số lượt khám. Tuyến thành phố thực hiện 413,7 nghìn lượt khám, chiếm 67,4% tổng số lượt khám; trong đó khám bảo hiểm y tế đạt 351,4 nghìn lượt, chiếm 84,9%. Tuyến xã thực hiện 49,7 nghìn lượt khám, với tỷ lệ khám bảo hiểm y tế đạt 83,4%; khu vực y tế tư nhân thực hiện 128,1 nghìn lượt khám, tỷ lệ khám bảo hiểm y tế đạt 75,5%.

Trong tháng, các cơ sở y tế tiếp nhận điều trị nội trú cho 79,13 nghìn lượt người bệnh, trong đó điều trị nội trú có bảo hiểm y tế đạt 75,7 nghìn lượt, chiếm 95,6%. Tuyến thành phố thực hiện 61,2 nghìn lượt điều trị nội trú, tỷ lệ điều trị có bảo hiểm y tế đạt 96,5%; khu vực y tế tư nhân điều trị 15,5 nghìn lượt, với tỷ lệ điều trị có bảo hiểm y tế đạt 91,4%.

Tính đến ngày 16/8/2026, toàn thành phố đã có 1.974.728 người được khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc hoặc được ghi nhận thông qua các hình thức khám, chữa bệnh thuộc phạm vi tổng hợp, đạt 64,42% dân số. Trong đó, khám nhân đạo, khám sàng lọc triển khai từ tháng 01/2026 đạt 268.956 người; khám sức khỏe định kỳ đối với người lao động đạt 11.649 người; khám sức khỏe lái xe đạt 328.178 người; khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế đạt 1.242.643 người. Riêng hoạt động khám sức khỏe định kỳ cho người dân theo Nghị quyết số 72/NQ-TW, được triển khai từ tháng 6/2026, đã thực hiện cho 123.302 người.

4.2. Tình hình dịch bệnh

Trong tháng 8 năm 2026, tình hình một số bệnh truyền nhiễm trên địa bàn có xu hướng gia tăng so với tháng 7/2026 và cùng kỳ năm 2025. Cụ thể, ghi nhận 691 ca sốt xuất huyết (SXH), gấp 2,66 lần so với tháng 7/2026; số ổ dịch SXH là 49 ổ, tăng 6,1 lần. Lũy kế từ đầu năm 2026, toàn địa bàn ghi nhận 2.146 ca SXH và 113 ổ dịch, tăng lần lượt 1,9 lần và 3,1 lần so với cùng kỳ năm 2025, cho thấy SXH đang diễn biến phức tạp và có chiều hướng gia tăng.

Đối với tay chân miệng (TCM), trong tháng 8 ghi nhận 629 ca, gấp 1,1 lần so với tháng trước; số ổ dịch là 5 ổ, tăng 1 ổ. Lũy kế 8 tháng năm 2026 ghi nhận 3.731 ca TCM và 57 ổ dịch, gấp 2,9 lần về số ca và 19 lần về số ổ dịch so với cùng kỳ năm 2025. Đây là nhóm bệnh cần tiếp tục được theo dõi, giám sát chặt chẽ, nhất là tại các trường học, cơ sở giáo dục mầm non và khu dân cư tập trung.

Đối với các bệnh khác, viêm não Nhật Bản (VNNB) không ghi nhận ca mắc trong tháng 8, lũy kế 1 ca, tương đương cùng kỳ năm 2025. Ho gà không ghi nhận ca mắc trong tháng, lũy kế 3 ca, giảm 1 ca so với cùng kỳ. Sốt phát ban nghi sởi ghi nhận 5 ca trong tháng 8, tăng 5 ca so với tháng trước; tuy nhiên lũy kế 8 tháng là 27 ca, giảm mạnh 8.487 ca so với cùng kỳ năm 2025.

Nhìn chung, tình hình dịch bệnh trong tháng 8/2026 diễn biến đáng lưu ý, tập trung chủ yếu ở sốt xuất huyết và tay chân miệng, với số ca mắc và số ổ dịch tăng so với cùng kỳ năm trước. Ngành y tế cần tiếp tục tăng cường giám sát dịch tễ, phát hiện sớm và xử lý kịp thời các ổ dịch; đẩy mạnh công tác vệ sinh môi trường, diệt lăng quăng, phòng chống muỗi truyền bệnh và tuyên truyền các biện pháp phòng, chống tay chân miệng trong cộng đồng, góp phần hạn chế nguy cơ bùng phát và lan rộng dịch bệnh trên địa bàn.

4.3. Chương trình tiêm chủng mở rộng

Công tác tiêm chủng tiếp tục được triển khai theo quy định. Trong tháng, triển khai thực hiện Quyết định số 126/QĐ-PB về đính chính nội dung tại Quyết định số 95/QĐ-PB ngày 30/6/2026 của Cục trưởng Cục Phòng bệnh ban hành Hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật về tổ chức thực hiện tiêm chủng, bảo đảm an toàn, giám sát tai biến nặng sau tiêm chủng và báo cáo trong hoạt động tiêm chủng. Đồng thời, tiếp nhận hồ sơ công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng. Trong tháng 8/2026, đã tiếp nhận 41 hồ sơ.

4.4. Tình hình nhiễm HIV/AIDS

Trong kỳ báo cáo (từ ngày 16/7 đến 15/8/2026), toàn thành phố đã sàng lọc 4.316 mẫu máu và phát hiện 15 trường hợp nhiễm HIV mới, trong đó có 5 trường hợp là người Đà Nẵng; không ghi nhận trường hợp tử vong do AIDS.

Lũy kế 15/08/2026, toàn thành phố ghi nhận 5.372 trường hợp nhiễm HIV, trong đó người Đà Nẵng là 4.222 trường hợp; số người nhiễm HIV còn sống là 4.317 người, trong đó người Đà Nẵng là 3.182 người.

4.5. Chương trình mục tiêu dân số

Đến ngày 31/7/2026, công tác dân số tiếp tục đạt một số kết quả tích cực. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đạt 0,77%; tổng tỷ suất sinh đạt 2,15 con/phụ nữ; tỷ số giới tính khi sinh duy trì ở mức 104-106 bé trai/100 bé gái, cơ bản bảo đảm mức cân bằng tự nhiên. Công tác nâng cao chất lượng dân số được quan tâm, tỷ lệ bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh đạt 88,9%, trẻ sơ sinh được sàng lọc đạt 95,1%, đều vượt kế hoạch. Công tác chăm sóc sức khỏe người cao tuổi được duy trì, 98% người cao tuổi có thẻ BHYT được quản lý sức khỏe và 61,5% được khám sức khỏe định kỳ. Tỷ lệ mang thai ở tuổi vị thành niên được kiểm soát, duy trì dưới 0,2%. Chất lượng thể chất của thanh niên tiếp tục được cải thiện, với chiều cao trung bình đạt 168,10 cm đối với nam và 158,07 cm đối với nữ, đạt và vượt chỉ tiêu đề ra.

Công tác dân số được triển khai đồng bộ, gắn với thực hiện Luật Dân số và các chủ trương, chính sách về dân số trong tình hình mới. 25 lớp phổ biến Luật Dân số, Kết luận số 149-KL/TW và Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030, đồng thời tổ chức 25 lớp tập huấn về sàng lọc trước sinh, sơ sinh được tổ chức, kết hợp tuyên truyền kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh và nâng cao chất lượng dân số. Đồng thời, tiếp tục hướng dẫn thực hiện công tác dân số - phát triển tại cơ sở và nhân rộng mô hình “Trợ lý công tác dân

số - phát triển cấp xã” tại 93 xã, phường, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và tổ chức thực hiện công tác dân số trên địa bàn.

5. Văn hóa - Thể thao

Các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, bảo tồn di sản được triển khai đồng bộ; phong trào thể dục thể thao quần chúng phát triển mạnh, thể thao thành tích cao tiếp tục khẳng định vị thế, qua đó góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao chất lượng cuộc sống và thúc đẩy phát triển bền vững

5.1. Lĩnh vực văn hóa

a) Di sản văn hóa

Công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa tiếp tục được triển khai. Trong tháng, tổ chức 04 đợt kiểm tra, khảo sát thực tế tại các điểm di tích; tiếp tục hoàn thiện hồ sơ đề nghị xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt Căn cứ Khu ủy Khu V và các hồ sơ đề nghị xếp hạng di tích cấp thành phố. Hoàn thành khai quật khảo cổ khẩn cấp tại Đồn Chơn Sảng và Trạm Nam Chơn; triển khai kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể tại một số xã, phường và kiểm kê di sản tư liệu đợt 1 tại phường Hải Châu, Thanh Khê. Tiếp tục số hóa, cập nhật hồ sơ di tích trên Nền tảng quản lý, khai thác tài nguyên số ngành văn hóa và thể thao thành phố; trong tháng cập nhật thêm 21 hồ sơ di tích cấp thành phố, nâng tổng số hồ sơ được cập nhật lên 396 hồ sơ.

Hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa thế giới tiếp tục được quan tâm. Các bảo tàng, khu di sản tổ chức nhiều hoạt động trưng bày, triển lãm, tọa đàm, nghiên cứu, sưu tầm và phục vụ khách tham quan. Trong tháng, Bảo tàng Điêu khắc Chăm đón 11.000 lượt khách, trong đó có 8.000 lượt khách quốc tế; Bảo tàng Đà Nẵng đón 11.745 lượt khách, trong đó có 4.544 lượt khách quốc tế; Ban Quản lý Di sản Văn hóa thế giới Mỹ Sơn đón 33.786 lượt khách, trong đó có 29.712 lượt khách quốc tế; Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa thế giới Hội An đón 132.489 lượt khách, trong đó có 103.584 lượt khách quốc tế.

b) Công tác tuyên truyền, cổ động trực quan và quảng cáo

Công tác tuyên truyền, cổ động trực quan, quản lý quảng cáo được triển khai phục vụ các ngày lễ, sự kiện chính trị quan trọng, trọng tâm là kỷ niệm 81 năm Cách mạng Tháng 8 thành công và Quốc khánh 02/9. Trong tháng, tiếp nhận, thẩm định và ban hành 120 văn bản liên quan đến hoạt động quảng cáo; tiếp tục triển khai Quy chế quản lý hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố.

c) Văn hóa cơ sở, gia đình và thư viện

Công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, gia đình và phát triển văn hóa đọc được đẩy mạnh. Tổ chức Hội nghị truyền thông về phòng, chống bạo lực gia đình tại 08 xã, phường; triển khai các hoạt động thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và văn hóa ứng xử. Hoạt động thư viện được duy trì, phục vụ nhu cầu đọc và tiếp cận thông tin của người dân; trong tháng, hệ thống Thư viện Đà Nẵng phục vụ 161.094 lượt đọc, mượn và luân chuyển 301.209 lượt sách, báo tại 02 cơ sở; tổ chức các hoạt động hè, chương trình khuyến đọc và giáo dục kỹ năng cho thiếu nhi.

d) Hoạt động văn hóa - nghệ thuật

Hoạt động văn hóa, nghệ thuật, lễ hội tiếp tục diễn ra phong phú, góp phần tạo không khí vui tươi, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của người dân và du khách. Trong tháng, ban hành 26 văn bản chấp thuận biểu diễn nghệ thuật, 02 thông báo về xuất nhập khẩu văn hóa phẩm và 02 giấy phép về hoạt động triển lãm, mỹ thuật, nhiếp ảnh. Các hoạt động văn hóa, lễ hội hai bên bờ sông Hàn và hoạt động về đêm tại phố cổ Hội An tiếp tục được tổ chức phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của Nhân dân và du khách.

Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ thuộc Đề án tổ chức các sự kiện, lễ hội văn hóa đặc sắc và chuỗi hoạt động văn hóa về đêm giai đoạn 2022 - 2026; điều chỉnh Kế hoạch Lễ hội Âm nhạc Biển Quốc tế Đà Nẵng lần thứ nhất, hoàn thiện kế hoạch Kết nối nghệ thuật sáng tạo Đà Nẵng 2026 và Quy chế quản lý hoạt động sự kiện trên địa bàn thành phố.

Tập trung xây dựng Đề án phát triển Đà Nẵng trở thành trung tâm văn hóa, nghệ thuật, nghiên cứu khoa học và đào tạo nhân lực văn hóa, nghệ thuật của vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; triển khai các kế hoạch nổi bật như “Ngày Văn hóa Việt Nam” giai đoạn 2026 - 2030, Lễ hội Việt Nam - Hàn Quốc 2026, Hội nghị Xúc tiến phát triển các ngành Công nghiệp văn hóa; chuẩn bị các hoạt động kỷ niệm 15 năm ngày mất đồng chí Võ Chí Công, 150 năm Ngày sinh cụ Huỳnh Thúc Kháng, 81 năm Cách mạng Tháng 8 và Quốc khánh 2/9.

5.2. Lĩnh vực thể thao

Hoạt động thể dục, thể thao quần chúng tiếp tục được duy trì và phát triển rộng khắp. Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ dạy bơi và kỹ năng phòng, chống đuối nước trẻ em năm 2026 cho gần 100 học viên là cán bộ phụ trách thể thao, giáo viên giáo dục thể chất và huấn luyện viên trên địa bàn thành phố; tiếp tục tổ chức các môn thi đấu Đại hội Thể dục thể thao thành phố Đà Nẵng lần thứ X.

Tính đến thời điểm báo cáo, Đại hội Thể dục thể thao thành phố lần thứ X đã tổ chức thi đấu 20 môn, phân môn; kết quả xếp hạng tạm thời, phường Hải Châu dẫn đầu với 15 HCV, 06 HCB và 24 HCD, tổng cộng 381 điểm; phường Thanh Khê xếp thứ hai với 11 HCV, 08 HCB, 10 HCD, tổng cộng 295 điểm; phường Ngũ Hành Sơn xếp thứ ba với 11 HCV, 07 HCB, 14 HCD, tổng cộng 292 điểm.

Thể thao người cao tuổi, người khuyết tật tiếp tục được quan tâm. Đội tuyển Thể dục dưỡng sinh thành phố đạt 01 HCB và 01 HCD tại Giải vô địch Thể dục dưỡng sinh toàn quốc; đội tuyển Bơi truyền thống người cao tuổi đạt 16 HCV, 08 HCB và 06 HCD, xếp thứ Nhì toàn đoàn tại Giải bơi truyền thống trung cao tuổi quốc gia lần thứ XVIII năm 2026.

Thể thao thành tích cao tiếp tục được chuẩn bị cho Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ X năm 2026. Tính đến ngày 15/8/2026, vận động viên thành phố đạt 786 huy chương tại các giải trong nước, gồm 214 HCV, 204 HCB và 368 HCD; tại các giải quốc tế đạt 66 huy chương, gồm 33 HCV, 11 HCB và 22 HCD. Đồng thời, hoàn thành dự thảo Đề án đăng cai tổ chức Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ XI năm 2030 để lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan.

6. Trật tự an toàn xã hội

Công tác bảo đảm trật tự an toàn xã hội và bảo vệ môi trường luôn được các cấp, các ngành chú trọng triển khai. Các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát nguy cơ cháy, nổ, tai nạn giao thông và tăng cường, xử lý vi phạm về môi trường được thực hiện thường xuyên, góp phần bảo đảm môi trường sống an toàn, ổn định và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững của thành phố.

6.1. Tình hình cháy, nổ

Công tác phòng cháy, chữa cháy tiếp tục được các lực lượng chức năng tăng cường triển khai. Trong tháng các vụ cháy, nổ tăng so với tháng trước nhưng giảm so với cùng kỳ. Tuy nhiên, nguy cơ cháy, nổ vẫn còn tiềm ẩn, nhất là trong điều kiện thời tiết nắng nóng kéo dài và nhu cầu sử dụng điện và các nguồn nhiệt tăng cao.

Trong kỳ từ ngày 15/07/2026 đến ngày 14/08/2026, trên địa bàn thành phố xảy ra 13 vụ cháy, nổ, tăng 9 vụ so với tháng trước và giảm 51,9% (giảm 14 vụ) so với cùng kỳ năm 2025. Các vụ cháy không gây thiệt hại về người; thiệt hại về tài sản ước tính 102 triệu đồng, tăng gần 45 triệu đồng so với tháng trước và giảm 643 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 8 tháng năm 2026, toàn thành phố xảy ra 50 vụ cháy, nổ, làm 02 người chết, thiệt hại về tài sản ước tính gần 1,9 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm 2025 giảm 42,5% (giảm 37 vụ), nhưng số người chết tăng 2 người, số người bị thương giảm 12 người và thiệt hại về tài sản giảm 39,8% (tương đương giảm 1,2 tỷ đồng).

6.2. Tai nạn giao thông

Trong thời gian từ ngày 15/07/2026 đến ngày 14/08/2026, trên địa bàn thành phố xảy ra 40 vụ tai nạn giao thông, làm 11 người chết và 28 người bị thương; toàn bộ các vụ tai nạn đều xảy ra trên đường bộ, không phát sinh tai nạn giao thông đường sắt và đường thủy. So với tháng trước, số vụ tai nạn giảm 04 vụ, số người chết giảm 05 người, số người bị thương giảm 06 người. So với cùng kỳ năm 2025, số vụ tai nạn giảm 03 vụ, số người chết giảm 05 người, số người bị thương giảm 01 người.

Lũy kế 8 tháng đầu năm 2026, toàn thành phố xảy ra 283 vụ tai nạn giao thông, giảm 107 vụ so với cùng kỳ năm trước; số người chết giảm 25 người và số người bị thương giảm 116 người.

a) Tai nạn giao thông đường bộ

Trong kỳ, trên địa bàn thành phố xảy ra 40 vụ tai nạn giao thông đường bộ, giảm 9,1% so với tháng trước (giảm 04 vụ) và giảm 7,0% so với cùng kỳ năm trước (giảm 03 vụ). Tai nạn giao thông đường bộ làm 11 người chết, cùng giảm 31,3% (giảm 05 người) so với tháng trước và so với cùng kỳ năm trước; 28 người bị thương, giảm 17,7% so với tháng trước (giảm 06 người) giảm 3,5% (giảm 1 người) so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 8 tháng năm 2026, toàn thành phố xảy ra 282 vụ tai nạn giao thông đường bộ, giảm 27,1% so với cùng kỳ năm trước (giảm 105 vụ). Tai nạn giao thông đường bộ làm 116 người chết, giảm 16,6% (giảm 23 người) và 198 người bị thương, giảm 37,1% (giảm 117 người) so với cùng kỳ năm 2025.

b) Tai nạn giao thông đường sắt và đường thủy

Trong kỳ, không xảy ra tai nạn giao thông đường sắt và đường thủy. Tính chung 8 tháng năm 2026, tai nạn giao thông đường sắt giảm 01 vụ và giảm 02 người

chết so với cùng kỳ năm 2025. Tai nạn giao thông đường thủy giảm 01 vụ và không gây thiệt hại về người.

7. Môi trường

Công tác kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về môi trường tiếp tục được triển khai nghiêm túc và đồng bộ. Trong tháng 8, các ngành chức năng đã phát hiện, xử lý 23 vụ vi phạm hành chính với 25 đối tượng, tổng số tiền xử phạt đạt 396 triệu đồng. Trong đó, có 10 vụ thuộc lĩnh vực xây dựng và môi trường đô thị với số tiền phạt gần 33 triệu đồng; 06 vụ liên quan đến an toàn vệ sinh thực phẩm với tổng số tiền phạt 90 triệu đồng; 07 vụ vi phạm thuộc các lĩnh vực khác với số tiền xử phạt 274 triệu đồng, trong đó gồm 03 vụ vi phạm về tài nguyên, khoáng sản với số tiền xử phạt gần 52 triệu đồng và 04 vụ vi phạm khác với số tiền xử phạt 222 triệu đồng.

Lũy kế 8 tháng năm 2026, lực lượng chức năng đã phát hiện và xử lý vi phạm hành chính 361 vụ, 394 đối tượng, tổng số tiền phạt đạt 9,8 tỷ đồng. Trong đó, 158 vụ vi phạm về an toàn thực phẩm với tổng số tiền phạt hơn 1,4 tỷ đồng; 50 vụ vi phạm về xây dựng, môi trường đô thị với tổng tiền phạt 493 triệu đồng và 153 vụ vi phạm khác liên quan đến các lĩnh vực môi trường khác, như y tế; khai thác tài nguyên, khoáng sản; sản xuất công nghiệp... với tổng số tiền phạt hơn 7,9 tỷ đồng.

Nơi nhận:

- Ban TKTH&ĐN - CTK (để b/c);
- Ban HTTKQG - CTK (để b/c);
- Thành uỷ, HĐND, UBND TP (để b/c);
- Thống kê 7 thành phố trực thuộc TW;
- Đơn vị trực thuộc Thống kê TPĐN;
- Các Sở, ban, ngành trên địa bàn;
- Lãnh đạo Thống kê TPĐN;
- Lưu: VT, TH.



TRƯỞNG THỐNG KÊ

Trần Văn Vũ

PHỤ LỤC SỐ LIỆU

*(Kèm theo Báo cáo số 702/BC-TKT ngày 29 tháng 8 năm 2026
của Thống kê thành phố Đà Nẵng)*

01 Sản xuất nông nghiệp tính đến ngày 20 tháng 8 năm 2026

	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện Kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm 2025 (%)
Diện tích gieo trồng một số loại cây hàng năm (Ha)			
Lúa	87,591	87,304	99.7
Lúa đông xuân	44,013	43,804	99.5
Lúa mùa	43,578	43,500	99.8
Một số loại cây khác			
Ngô	11,878	11,984	100.9
Khoai lang	1,758	1,737	98.8
Đậu tương	56	79	141.5
Lạc	9,560	9,562	100.0
Rau các loại	13,539	13,589	100.4
Đậu các loại	4,930	5,004	101.5
Sản lượng thu hoạch (Tấn)			
Lúa	270,298	278,546	103.1
Lúa đông xuân	270,298	278,546	103.1
Lúa mùa			
Các loại cây khác			
Ngô	34,436	36,800	106.9
Khoai lang	12,728	13,100	102.9
Đậu tương	118	179	151.7
Lạc	20,709	21,700	104.8
Rau các loại	236,338	238,300	100.8
Đậu các loại	7,360	7,654	104.0

02 Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 8 và 8 tháng năm 2026

	<i>Đơn vị tính: %</i>		
	Ước tính tháng 8/2026 so với tháng trước	Ước tháng 8 năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025	Bình quân 8 tháng năm 2026 so với bình quân cùng kỳ năm 2025
Toàn ngành công nghiệp	102,82	111,15	109,66
Khai khoáng	117,28	105,84	53,97
Khai thác than cứng và than non	111,52	190,16	113,12
Khai khoáng khác	126,21	94,29	44,97
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng	15,54	107,23	154,48
Công nghiệp chế biến, chế tạo	102,74	110,74	110,03
Sản xuất chế biến thực phẩm	95,65	97,62	107,28
Sản xuất đồ uống	110,52	117,79	100,62
Sản xuất sản phẩm thuốc lá	100,84	99,97	112,80
Dệt	102,74	101,09	101,20
Sản xuất trang phục	105,74	117,05	109,58
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	106,00	149,05	118,17
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	93,53	107,77	125,59
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	92,34	123,98	135,62
In, sao chép bản ghi các loại	59,58	211,57	110,49
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	93,35	177,52	118,41
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	101,37	124,15	107,57
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	96,62	102,82	95,91
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	94,87	110,43	108,39
Sản xuất kim loại	100,75	103,18	108,68
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	107,62	100,67	108,74
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	93,70	108,54	105,98
Sản xuất thiết bị điện	39,44	90,48	129,52
Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	105,59	111,99	115,28
Sản xuất xe có động cơ	100,61	97,52	105,70
Sản xuất phương tiện vận tải khác	102,90	258,70	222,86
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	113,07	111,26	115,18
Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	101,60	109,38	96,89
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	100,95	214,76	123,89
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	106,52	131,66	104,37
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	97,75	101,07	108,34
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	106,40	117,46	110,46
Thoát nước và xử lý nước thải	87,16	107,64	114,22
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	88,15	76,34	102,43

	Đơn vị tính	Ước tính tháng 8/2026	Cộng dồn 8 tháng năm 2026	Ước tính tháng 8/2026 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 8/2026 so với cùng kỳ năm 2025 (%)
Than đá (than cứng) loại khác	Tấn	15.000	100.981	190,16	113,12
Đá xây dựng khác	M3	69.714	416.862	70,86	34,27
Thịt cá đông lạnh	Tấn	979	6.064	74,19	73,15
Tôm đông lạnh	Tấn	2.594	16.997	107,53	120,52
Sữa và kem chưa cô đặc, chưa pha thêm đường và chất ngọt khác, có hàm lượng chất béo trên 6% tính theo trọng lượng	1000 lít	8.800	69.159	94,89	108,42
Bia các loại	1000 lít	35.966	231.294	169,82	143,80
Nước ngọt (cocacola, 7 up, ...)	1000 lít	24.453	181.326	116,30	86,19
Thuốc lá có đầu lọc	1000 bao	10.600	82.939	99,97	112,80
Vải dệt thoi từ sợi bông có tỷ trọng bông từ 85% trở lên	1000 m2	2.620	19.173	79,92	86,19
Vải màn dùng làm lợp	1000 m2	6.350	52.722	97,86	102,58
Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	17.128	122.960	112,03	105,98
Các bộ phận của giày, dép bằng da; tấm lót bên trong có thể tháo rời; đệm gót và các sản phẩm tương tự; ghệt, xà cạp và các sản phẩm tương tự và các bộ phận của chúng	1000 đôi	1.230	12.059	100,37	99,14
Vỏ bào, dăm gỗ	Tấn	180.233	1.177.242	109,84	126,83
Bao bì và túi bằng giấy (trừ giấy nhãn)	1000 chiếc	6.820	48.708	116,54	118,35
Cao dán, bông, băng, gạc và các sản phẩm tương tự	Kg	299.271	2.161.690	125,01	107,06
Lốp hơi mới bằng cao su, loại dùng cho xe buýt, xe tải hoặc máy bay	1000 cái	120	917	89,34	80,48
Xi măng Portland đen	Tấn	196.652	1.505.968	119,16	110,93
Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	M3	82.703	649.356	102,97	110,94
Sắt, thép không hợp kim dạng thỏi đúc hoặc dạng thô khác	Tấn	11.274	86.226	111,38	117,68
Thanh, que sắt hoặc thép không hợp kim, được cán nóng	Tấn	29.000	232.751	96,50	103,09
Thiết bị dùng cho dàn giáo, ván khuôn, vật chống hoặc cột trụ chống hầm lò bằng sắt, thép, nhôm	Tấn	43.159	328.934	95,66	107,85

03 Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 8 năm 2026 (tt)

	Đơn vị tính	Ước tính tháng 8/2026	Cộng dồn 8 tháng 2026	Ước tính tháng 8/2026 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 8/2026 so với cùng kỳ năm 2025 (%)
Điện trở biến đổi kiểu dây quấn (gồm cả biến trở, chiết áp)	1000 chiếc	16.500	111.137	114,09	115,83
Bộ phận và các phụ tùng của máy tính	1000 Cái	454.074	3.038.959	125,31	107,03
Động cơ điện một chiều có công suất ≤ 37.5 W	1000 Chiếc	21.339	198.812	80,89	100,86
Bộ lọc dầu hoặc xăng cho động cơ đốt trong	1000 Bộ	5.250	35.019	115,70	132,79
Xe có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén chở được từ 10 người trở lên với tổng trọng tải > 6 tấn và tối đa 18 tấn	Chiếc	3.880	39.008	93,02	108,30
Xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén, có tổng trọng tải tối đa 5 tấn	Chiếc	2.481	15.812	142,10	126,95
Bộ dây đánh lửa và bộ dây khác sử dụng cho xe có động cơ	Bộ	132.707	1.039.561	92,73	104,85
Thiết bị câu và bắt cá	Chiếc	670.534	4.221.138	102,84	106,92
Thiết bị và dụng cụ khác dùng trong y khoa	1000 cái	65.500	464.041	122,67	162,38
Nén, nén cây	1000 cây	100.400	746.223	109,79	96,26
Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy bay và tàu vũ trụ	Triệu đồng	60.279	401.231	214,76	123,89
Điện sản xuất	Triệu KWh	304	2.327	68,29	74,27
Điện thương phẩm	Triệu KWh	852	5.781	181,40	120,67
Nước uống được	1000 m3	17.141	119.194	117,25	110,22
Dịch vụ xử lý nước thải bằng quy trình vật lý, hoá học và sinh học	Triệu đồng	10.949	128.902	79,97	114,28
Dịch vụ thu gom rác thải không độc hại có thể tái chế	Triệu đồng	26.288	255.455	63,32	104,38

04 Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý

ĐVT: Triệu đồng; %

	Thực hiện tháng 7/2026	Ước tính tháng 8/2026	Ước thực hiện 8 tháng năm 2026	8 tháng năm 2026 so với kế hoạch (%)	8 tháng năm 2026 so với cùng kỳ 2025 (%)
TỔNG SỐ	1.389.006	1.451.228	9.244.372	56,68	100,63
Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh	1.029.884	1.075.401	6.816.541	57,18	75,76
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	657.459	695.840	4.686.471	59,76	78,58
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	349.266	368.459	2.393.694	56,21	95,82
Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	264.581	270.510	1.411.150	50,46	64,65
Vốn nước ngoài (ODA)	52.561	48.754	312.718	54,38	119,85
Xổ số kiến thiết	30.228	25.147	213.342	56,58	108,44
Vốn khác	25.055	35.150	192.860	58,42	49,02
Vốn ngân sách nhà nước cấp xã	359.122	375.827	2.427.831	55,32	1286,40
Vốn cân đối ngân sách xã	349.226	361.810	2.349.817	55,47	1245,06
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	127.317	130.154	847.943	57,41	-
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	6.081	10.849	64.701	50,23	-
Vốn khác	3.815	3.168	13.313	57,20	-

05 Doanh thu bán lẻ hàng hóa

ĐVT: Triệu đồng; %

	Thực hiện tháng 7/2026	Ước tính tháng 8/2026	Ước thực hiện 8 tháng năm 2026	Tháng 8/2026 so với cùng kỳ năm 2025	8 tháng năm 2026 so với cùng kỳ 2025
Tổng số	14.586.035	14.755.002	112.311.463	127,13	123,17
Lương thực, thực phẩm	4.924.379	5.103.950	37.824.084	132,25	118,55
Hàng may mặc	627.017	680.150	5.085.927	103,57	106,00
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	2.346.033	2.354.491	18.375.213	125,16	130,59
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	328.975	341.421	2.230.464	126,89	121,35
Gỗ và vật liệu xây dựng	1.087.541	1.101.365	7.384.322	121,91	110,01
Ô tô các loại	682.394	631.556	5.815.313	77,10	91,27
Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	638.027	583.776	4.361.706	113,93	112,45
Xăng, dầu các loại	1.905.452	1.968.213	13.795.372	169,07	156,03
Nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu)	105.653	105.965	751.472	137,54	114,68
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	1.081.288	999.815	10.092.871	156,69	169,41
Hàng hóa khác	505.093	521.094	3.850.367	103,58	105,14
Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	354.184	363.205	2.744.352	112,67	110,19

06

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

ĐVT: Triệu đồng; %

	Thực hiện tháng 7/2026	Ước tính tháng 8/2026	Ước thực hiện 8 tháng năm 2026	Tháng 8/2026 so với cùng kỳ năm 2025	8 tháng năm 2026 so với cùng kỳ 2025
TỔNG SỐ	28.844.403	29.446.357	207.827.083	132,12	123,89
Tổng mức bán lẻ hàng hóa	14.586.035	14.755.002	112.311.463	127,13	123,17
Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống	7.363.154	7.429.472	46.932.092	138,07	125,10
Doanh thu lữ hành và các dịch vụ hỗ trợ du lịch (sau khi trừ chi hộ)	630.156	615.851	3.611.134	124,94	115,88
Doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác	6.265.059	6.646.032	44.972.394	138,22	125,14

07

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ tiêu dùng khác

ĐVT: Triệu đồng; %

	Thực hiện tháng 7/2026	Ước tính tháng 8/2026	Ước thực hiện 8 tháng năm 2026	Tháng 8/2026 so với tháng trước	Tháng 8/2026 so với tháng cùng kỳ năm 2025	8 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	7.363.154	7.429.472	46.932.092	138,07	125,10	7.363.154
Dịch vụ lưu trú	2.592.688	2.482.498	14.916.866	121,67	121,10	2.592.688
Dịch vụ ăn uống	4.770.466	4.946.974	32.015.226	148,09	127,06	4.770.466
Du lịch lữ hành (sau khi trừ chi hộ)	630.156	615.851	3.611.134	124,94	115,88	630.156
Dịch vụ tiêu dùng khác	6.265.059	6.646.032	44.972.394	138,22	125,14	6.265.059

08 Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ

	Chỉ số giá tháng 8 năm 2026 so với:				Bình quân 8 tháng năm 2026 so với bình quân cùng kỳ năm 2025
	Kỳ gốc 2024	Cùng kỳ năm 2025	Tháng 12 năm 2025	Tháng 7 năm 2026	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG	108,91	105,40	103,65	100,67	104,84
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	106,94	104,31	100,48	99,99	104,46
<i>Trong đó:</i>					
Lương thực	101,51	99,44	98,42	100,24	98,55
Thực phẩm	107,08	104,53	98,70	99,59	104,97
Ăn uống ngoài gia đình	108,01	105,12	103,65	100,54	105,00
Đồ uống và thuốc lá	106,81	104,97	104,00	100,90	103,65
May mặc, giày dép và mũ nón	103,23	101,56	101,27	99,99	101,66
Nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD	116,43	108,73	108,58	100,90	108,80
Thiết bị và đồ dùng gia đình	106,16	102,89	102,43	100,26	102,10
Thuốc và dịch vụ y tế	111,95	100,90	100,66	100,05	100,88
<i>Trong đó: Dịch vụ y tế</i>	117,29	100,09	100,00	100,00	100,09
Giao thông	105,94	109,88	109,75	104,35	106,64
Thông tin và truyền thông	101,18	100,60	100,52	100,20	99,86
Giáo dục	106,64	104,37	100,70	100,00	104,47
<i>Trong đó: Dịch vụ giáo dục</i>	107,48	104,85	100,88	100,00	104,90
Văn hoá, giải trí và du lịch	104,55	102,82	103,13	99,89	103,09
Hàng hóa và dịch vụ khác	110,71	105,46	104,48	100,22	104,13
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	183,31	120,66	95,69	101,13	149,19
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	104,95	99,82	99,89	99,66	101,45

09 Doanh thu vận tải đường bộ và đường thủy, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải; dịch vụ bưu chính và chuyển phát

Đơn vị tính: Triệu đồng; %

	Thực hiện tháng 7/2026	Ước tính tháng 8/2026	Ước thực hiện 8 tháng năm 2026	Tháng 8/2026 so với tháng trước	Tháng 8/2026 so với tháng cùng kỳ năm 2025	8 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025
TỔNG SỐ	3.974.017	4.147.131	29.215.390	104,36	139,97	123,61
Vận tải hành khách	608.048	638.481	4.479.920	105,01	141,12	123,83
Đường biển	-	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	28.427	29.280	204.122	103,00	126,09	114,04
Đường bộ	579.621	609.201	4.275.798	105,10	141,94	124,34
Vận tải hàng hóa	1.426.600	1.437.473	10.279.780	100,76	148,90	131,37
Đường biển	29.218	29.688	226.935	101,61	210,40	124,90
Đường thủy nội địa	486	650	4.458	133,74	75,59	122,49
Đường bộ	1.396.896	1.407.135	10.048.387	100,73	148,06	131,53
Dịch vụ hỗ trợ vận tải	1.809.043	1.938.931	13.386.310	107,18	133,97	117,44
Dịch vụ bưu chính và chuyển phát	130.326	132.247	1.069.381	101,47	135,24	134,74

10 Vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy

	Thực hiện tháng 7/2026	Ước tính tháng 8/2026	Ước thực hiện 8 tháng năm 2026	Tháng 8/2026 so với tháng trước	Tháng 8/2026 so với tháng cùng kỳ năm 2025	8 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025
HÀNH KHÁCH						
Vận chuyển (Nghìn lượt HK)	9.090	9.448	69.179	103,94	127,16	115,83
Đường biển	-	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	392	402	2.777	102,55	121,53	112,27
Đường bộ	8.698	9.046	66.402	104,00	127,42	115,99
Luân chuyển (Nghìn lượt HK.km)	458.731	468.857	3.328.200	102,21	139,00	119,00
Đường biển	-	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	1.570	1.638	11.186	104,33	107,92	106,37
Đường bộ	457.161	467.219	3.317.014	102,20	139,14	119,05
HÀNG HÓA						
Vận chuyển (Nghìn tấn)	8.085	8.203	60.223	101,45	146,53	129,40
Đường biển	83	86	670	102,80	226,55	138,48
Đường thủy nội địa	3	3	21	133,76	46,68	70,37
Đường bộ	7.999	8.113	59.532	101,43	146,12	129,35
Luân chuyển (Nghìn tấn.km)	955.661	978.081	7.048.539	102,35	145,54	126,06
Đường biển	48.214	49.569	376.284	102,81	203,78	125,54
Đường thủy nội địa	38,71	51,77	310	133,75	50,54	74,10
Đường bộ	907.408	928.460	6.671.944	102,32	143,37	126,10

11 Trật tự, an toàn xã hội

	Đơn vị tính	Sơ bộ kỳ báo cáo ⁶	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với kỳ trước (%)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Tai nạn giao thông						
Tổng số vụ tai nạn giao thông	Vụ	40	283	90,91	93,02	72,56
Đường bộ	"	40	282	90,91	93,02	72,87
Đường sắt	"	-	1	-	-	50,00
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
Số người chết	Người	11	116	68,75	68,75	82,27
Đường bộ	"	11	116	68,75	68,75	83,45
Đường sắt	"	-	-	-	-	-
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
Số người bị thương	Người	28	199	82,35	96,55	63,17
Đường bộ	"	28	198	82,35	96,55	62,86
Đường sắt	"	-	1	-	-	-
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
Cháy, nổ		-	-			
Số vụ cháy, nổ	Vụ	13	50	325,00	48,15	57,47
Số người chết	Người	-	2	-	-	-
Số người bị thương	"	-	-	-	-	-
Tổng giá trị tài sản thiệt hại	Triệu đồng	102	1.884	177,12	13,72	60,18

Ghi chú: Nguồn số liệu từ Công an thành phố Đà Nẵng

⁶ Số liệu kỳ báo cáo tính từ ngày 15/7/2026 đến 14/8/2026

12 Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 8 tháng năm 2026

	Số liệu cùng kỳ năm trước	Số liệu kỳ báo cáo ⁷	Đơn vị tính: Triệu đồng; %		
			Kỳ báo cáo so với kỳ trước	Cơ cấu cùng kỳ năm trước	Cơ cấu kỳ báo cáo
Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	35.929.034	63.816.407	177,62	100,00	100,00
Thu nội địa	31.426.922	59.744.443	190,11	87,47	93,62
Thu từ doanh nghiệp nhà nước	1.679.593	2.138.059	127,30	4,67	3,35
Thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	5.163.746	6.872.782	133,10	14,37	10,77
Thu từ khu vực công, thương nghiệp ngoài quốc doanh	10.819.968	17.834.777	164,83	30,11	27,95
Thuế thu nhập cá nhân	4.073.831	3.472.956	85,25	11,34	5,44
Thuế bảo vệ môi trường	1.140.643	556.518	48,79	3,17	0,87
Thu phí, lệ phí	1.840.264	1.834.491	99,69	5,12	2,87
Trong đó: Lệ phí trước bạ	1.150.764	1.139.797	99,05	3,20	1,79
Các khoản thu về nhà, đất	4.916.322	25.356.666	515,76	13,68	39,73
Thu xổ số kiến thiết (bao gồm cả xổ số điện toán)	289.619	337.498	116,53	0,81	0,53
Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	96.238	90.200	93,73	0,27	0,14
Thu khác ngân sách	1.353.764	1.194.086	88,20	3,77	1,87
Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	12.420	3.929	31,63	0,03	0,01
Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của ngân hàng nhà nước	40.513,85	52.482,80	129,54	0,11	0,08
Thu về dầu thô	-	-	-	-	-
Thu cân đối hoạt động xuất nhập khẩu	2.608.004	3.012.011	115,49	7,26	4,72
Thu viện trợ	18.270	7.534	41,24	0,05	0,01
Thu khác	1.875.838	1.052.419	56,10	5,22	1,65

Ghi chú: Nguồn số liệu từ Kho bạc Nhà nước Khu vực XIII

⁷ Cập nhật từ 01/01/2026 đến 25/8/2026, số liệu cùng kỳ năm 2025 tính từ 01/01/2025 đến 25/8/2025

13 Chi ngân sách nhà nước trên địa bàn 8 tháng năm 2026

<i>Đơn vị tính: Triệu đồng; %</i>					
	Số liệu cùng kỳ năm trước	Số liệu kỳ báo cáo ⁸	Kỳ báo cáo so với kỳ trước	Cơ cấu cùng kỳ năm trước	Cơ cấu kỳ báo cáo
Tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn	49.446.572	52.597.082	106,37	100,00	100,00
Chi đầu tư phát triển	14.182.850	20.455.498	144,23	28,68	38,89
Chi trả nợ lãi	53.383,8	49.815,9	93,32	0,11	0,09
Chi thường xuyên	35.205.811	32.008.513	90,92	71,20	60,86
Chi quốc phòng	9.766.566	7.800.755	79,87	19,75	14,83
Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	2.089.924	2.116.689	101,28	4,23	4,02
Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề	6.495.025	7.651.724	117,81	13,14	14,55
Chi sự nghiệp y tế, dân số và kế hoạch hóa gia đình	1.532.899	1.692.404	110,41	3,10	3,22
Chi khoa học, công nghệ	89.773	215.193	239,71	0,18	0,41
Chi văn hóa, thông tin	457.097	290.607	63,58	0,92	0,55
Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	111.268	48.446	43,54	0,23	0,09
Chi thể dục, thể thao	244.411	278.061	113,77	0,49	0,53
Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	335.871	342.079	101,85	0,68	0,65
Chi sự nghiệp kinh tế	2.834.873	2.936.944	103,60	5,73	5,58
Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	6.996.854	4.314.697	61,67	14,15	8,20
Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	3.817.924	3.903.258	102,24	7,72	7,42
Chi trợ giá mặt hàng chính sách	...	...	...	...	...
Chi khác	433.325	417.655	96,38	0,88	0,79
Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	3.270	3.270	100,00	0,01	0,01
Chi dự phòng ngân sách	-	-	-	-	-
Các nhiệm vụ chi khác	1.258	79.985	6.357,60	0,003	0,15

Ghi chú: Nguồn số liệu từ Kho bạc Nhà nước Khu vực XIII

⁸ Cập nhật từ 01/01/2026 đến 25/8/2026, số liệu cùng kỳ năm 2025 tính từ 01/01/2025 đến 25/8/2025

14 Hoạt động ngân hàng

	Đơn vị tính: Tỷ đồng; %		
	Thực hiện tháng 7/2026	Ước tháng 8/2026	Tháng 8/2026 so với tháng 12/2025
Tổng nguồn vốn huy động	408.307	411.606	106,91
<i>Trong đó: Huy động từ tiền gửi, gồm:</i>			
<i>Phân theo loại tiền</i>			
Đồng Việt Nam	395.053	398.265	106,79
Ngoại tệ (quy đổi VNĐ)	13.254	13.341	110,67
<i>Phân theo các hình thức huy động</i>			
Tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn	338.858	341.967	109,59
Tiền gửi thanh toán	69.449	69.639	95,45
Tổng dư nợ cho vay	459.700	464.791	103,43
<i>Phân theo kỳ hạn</i>			
Dư nợ ngắn hạn	223.406	225.851	105,37
Dư nợ trung và dài hạn	236.294	238.940	101,65
<i>Phân theo loại tiền</i>			
Dư nợ bằng VNĐ	448.597	453.536	102,43
Dư nợ bằng ngoại tệ (quy đổi VNĐ)	11.103	11.255	170,33

Ghi chú: Nguồn số liệu từ Ngân hàng Nhà nước Khu vực 9

15 Xuất, nhập khẩu hàng hóa

	Đơn vị tính: 1000 USD; %					
	Sơ bộ 7 tháng đầu năm 2026	Ước tính tháng 8 năm 2026	Cộng dồn 8 tháng năm 2026	Tháng 8 năm 2026 so với tháng trước	Tháng 8 năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025	8 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025
Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa	5.735.436	904.090	6.639.526	101,76	108,93	111,46
<i>Trong đó:</i>						
Xuất khẩu	2.925.250	503.450	3.428.700	101,0	112,7	112,6
Nhập khẩu	2.810.186	400.640	3.210.826	102,7	104,6	110,3
Xuất siêu	115.064	102.810	217.874			

Ghi chú: Nguồn số liệu từ Báo cáo Thống kê xuất, nhập khẩu của Hải quan Việt Nam; Thống kê TP Đà Nẵng dự ước tháng 8/2026

16 Một số chỉ tiêu về khách lưu trú và lữ hành

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 7 năm 2026	Ước tính tháng 8 năm 2026	Cộng dồn 8 tháng năm 2026	Tháng 8 năm 2026 so với cùng kỳ 2025 (%)	8 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025 (%)
Dịch vụ lưu trú						
Lượt khách phục vụ	Lượt khách	2.207.729	2.160.884	14.246.988	126,86	124,92
Khách quốc tế	"	849.104	878.970	6.883.983	115,78	126,31
Khách trong nước	"	1.358.625	1.281.914	7.363.006	135,78	123,65
Khách ngủ qua đêm	"	2.036.932	1.981.889	12.990.455	128,87	127,84
Khách quốc tế	"	844.236	873.278	6.846.789	115,83	126,49
Khách trong nước	"	1.192.696	1.108.611	6.143.666	141,41	129,39
Khách nghỉ trong ngày	"	170.797	178.995	1.256.534	108,21	101,02
Khách quốc tế	"	4.868	5.692	37.194	108,21	100,91
Khách trong nước	"	165.929	173.303	1.219.340	108,21	101,03
Ngày khách phục vụ (chỉ tính cho khách ngủ qua đêm)	Ngày khách	3.796.070	3.788.918	23.600.438	137,44	128,86
Khách quốc tế	"	1.862.147	1.907.211	13.476.288	133,55	129,03
Khách trong nước	"	1.933.922	1.881.706	10.124.149	141,63	128,65
Số ngày lưu trú bình quân⁹	Ngày /lượt	1,86	1,91	1,82	106,65	100,80
Khách quốc tế	"	2,21	2,18	1,97	115,29	102,01
Khách trong nước	"	1,62	1,70	1,65	100,16	99,42
Dịch vụ lữ hành						
Lượt khách du lịch theo tour	Lượt khách	209.320	191.750	1.152.316	117,36	111,89
Khách quốc tế	"	61.524	62.846	425.974	123,19	111,44
Khách trong nước	"	130.804	110.084	632.731	105,67	109,21
Khách Việt Nam đi du lịch nước ngoài	"	16.993	18.819	93.611	229,64	137,19
Ngày khách du lịch theo tour	Ngày khách	481.149	452.778	2.739.010	119,55	116,06
Khách quốc tế	"	153.796	157.133	1.100.877	119,17	114,98
Khách trong nước	"	258.365	220.489	1.248.334	102,74	110,59
Khách Việt Nam đi du lịch nước ngoài	"	68.988	75.156	389.799	232,98	142,37

⁹ Chỉ tính cho khách ngủ qua đêm